

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1461* /ĐHKTKHTC  
V/v kết quả sau rà soát đợt thu học phí  
Học kỳ II năm học 2020-2021  
chương trình đào tạo CLC bậc Đại học  
(đáp ứng Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT)

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2021

Kính gửi:

- Phòng Đào tạo,
- Phòng Chính trị & CTSV
- Các Khoa trực thuộc, Viện QTKD
- Sinh viên Trường Đại học kinh tế

Căn cứ kết quả sau rà soát đợt thu học phí học kỳ II năm học 2020-2021 tính đến hết ngày 11/05/2021.

Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN thông báo kết quả đợt thu học phí học kỳ II năm học 2020-2021 các chương trình đào tạo Chất lượng cao bậc đại học (đáp ứng thông tư 23/2014/TT-BGDĐT), cụ thể như sau:

1. Danh sách sinh viên đã thu học phí kỳ II năm học 2020-2021 (DS kèm theo)
2. Danh sách sinh viên chưa thu được học phí kỳ II năm học 2020-2021 (DS kèm theo)

Những sinh viên đã nộp học phí, sau khi đối chiếu, rà soát, điều chỉnh có số tiền học phí nộp thừa sẽ được nhà Trường chuyển trả lại vào tài khoản của sinh viên mở tại BIDV Tây Hà Nội trong tháng 05/2019.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban giám hiệu (để báo cáo);
- Phòng truyền thông và QTTH;
- Phòng Thanh tra;
- Lưu:VT, KHTC.

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TRƯỞNG PHÒNG KHTC  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
  
ThS. Trần Thị Hoài Thương

PL 01 - DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÃ THU NỘP HỌC PHÍ THEO KỲ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020-2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CLC ĐÁP ỨNG TT 23/2014/TT-BGDĐT

(Kèm theo thông báo số 1461/ĐHKT-KHTC ngày 12/8/2021)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Tổng học phí	Học phí đã nộp	Số nợ	Ghi chú
Khoa Kế Toán				419 sinh viên				
1	18050990	Bùi Thị Linh Anh	08/16/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-	
2	18050991	Hà Thị Việt Anh	04/05/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
3	18050992	Hoàng Minh Anh	07/27/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
4	18050993	Hoàng Ngọc Anh	10/29/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	22,480,000	22,480,000	-	
5	18050994	Hoàng Văn Anh	07/31/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
6	18050996	Lê Việt Anh	04/24/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
7	18050997	Nguyễn Phương Anh	05/08/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
8	18050998	Nguyễn Thị Lan Anh	12/29/1999	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
9	18050999	Nguyễn Thị Mai Anh	02/21/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
10	18051000	Nguyễn Thị Ngọc Anh	09/30/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
11	18051001	Nguyễn Thị Vân Anh	02/12/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
12	18051003	Phạm Thị Hồng Anh	08/10/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
13	18051004	Phạm Thị Mai Anh	06/24/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
14	18051005	Phạm Thị Ngọc Anh	05/25/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
15	18051006	Trần Thị Lan Anh	08/14/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
16	18051007	Trịnh Hoài Anh	06/07/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
17	18051008	Trịnh Thị Lan Anh	05/11/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
18	18051009	Hồ Ngọc Ánh	05/04/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
19	18051010	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/14/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
20	18051011	Phạm Thị Ngọc Ánh	12/29/1999	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
21	18051013	Phạm Thị Khánh Chi	10/01/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
22	18051014	Trịnh Kim Chi	12/29/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
23	18051015	Trịnh Kim Chi	01/06/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
24	18051016	Đặng Linh Đan	08/21/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
25	18051020	Phạm Thùy Dung	02/13/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
26	18051021	Trần Thị Phương Dung	06/17/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
27	18051023	Trần Thùy Dương	03/05/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
28	18051025	Trần Thị Duyên	11/01/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
29	18051028	Nguyễn Huệ Giang	05/29/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
30	18051029	Nguyễn Thị Hoàng Giang	07/02/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-	
31	18051030	Nguyễn Thị Hương Giang	10/25/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
32	18051031	Phùng Thị Thu Giang	10/26/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
33	18051033	Ngô Thị Thu Hà	08/20/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
34	18051034	Trần Thu Hà	09/30/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
35	18051036	Đàm Thị Ngọc Hân	01/26/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
36	18051037	Bùi Thu Hằng	11/08/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
37	18051038	Đới Thị Thúy Hằng	11/03/1999	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
38	18051039	Nguyễn Thị Hằng	05/04/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
39	18051040	Nguyễn Thị Hằng	09/27/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
40	18051041	Trần Thị Hằng	07/09/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
41	18051043	Đỗ Thanh Hiền	05/04/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
42	18051045	Trần Thị Thu Hiền	04/03/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
43	18051047	Lê Thị Hoa	06/05/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
44	18051049	Nguyễn Thị Hồng	02/15/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
45	18051050	Lê Thị Minh Hương	07/04/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
46	18051052	Hồ Thị Thanh Huyền	08/17/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
47	18051053	Lê Kim Huyền	10/01/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

48	18051055	Thái Thị Huyền	11/20/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
49	18051059	Đỗ Hoàng Lan	12/11/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
50	18051060	Trần Thị Phương Liên	05/10/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
51	18051061	Đặng Thị Nhật Linh	02/28/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
52	18051062	Đào Thùy Linh	01/24/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
53	18051064	Lê Thị Diệu Linh	03/28/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
54	18051066	Nguyễn Thị Linh	04/04/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
55	18051067	Phạm Khánh Linh	09/07/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
56	18051068	Tổng Khánh Linh	10/08/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
57	18051069	Trần Diệu Linh	02/06/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	22,640,000	17,500,000	-
58	18051073	Nguyễn Thị Thúy Mai	09/25/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
59	18051075	Nguyễn Thảo My	10/16/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
60	18051076	Bùi Phương Nga	09/01/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
61	18051078	Đoàn Thị Thúy Nga	06/06/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
62	18051080	Lưu Đại Nghĩa	12/29/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
63	18051083	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	08/06/1999	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
64	18051084	Đinh Thị Nguyệt	03/21/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
65	18051085	Đào Anh Như	09/04/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
66	18051086	Lưu Thị Hồng Oanh	01/20/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
67	18051087	Bùi Thị Thu Phương	08/08/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
68	18051088	Đỗ Mai Phương	08/21/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	22,640,000	17,500,000	-
69	18051089	Đỗ Ngọc Phương	08/06/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
70	18051092	Phạm Thị Kim Phương	03/14/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
71	18051093	Nguyễn Anh Quân	11/26/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
72	18051094	Phạm Thị Thục Quyên	09/24/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
73	18051095	Hoàng Thị Thu Quỳnh	09/11/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
74	18051098	Ngô Thúy Quỳnh	10/04/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
75	18051099	Nguyễn Như Quỳnh	02/28/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
76	18051100	Vương Thị Như Quỳnh	04/07/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
77	18051101	Trần Đức Tài	10/16/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
78	18051102	Đinh Lê Thanh	08/14/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
79	18051104	Bùi Mai Phương Thảo	10/04/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
80	18051105	Đỗ Phương Thảo	01/06/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
81	18051106	Tạ Thị Phương Thảo	11/06/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
82	18051107	Triệu Phương Thảo	01/10/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
83	18051108	Dương Thị Thơm	08/07/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
84	18051110	Phạm Thị Anh Thư	09/23/1999	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
85	18051111	Nguyễn Thị Hoài Thương	12/28/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
86	18051112	Đinh Thị Thu Thủy	11/26/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
87	18051113	Vũ Thị Thu Thủy	03/23/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
88	18051116	Nguyễn Thành Tiến	12/15/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
89	18051117	Cao Thanh Trà	01/22/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
90	18051118	Đặng Thị Trang	03/09/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
91	18051119	Đoàn Minh Trang	04/26/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
92	18051120	Nguyễn Thị Thùy Trang	07/19/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
93	18051122	Lê Nguyễn Thành Tú	02/12/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
94	18051123	Bùi Thu Uyên	05/27/1999	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
95	18051124	Phan Thị Thanh Uyên	12/08/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
96	18051126	Đinh Tôn Thảo Vy	10/24/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
97	18051128	Phạm Thanh Xuân	03/17/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
98	18051129	Phương Hải Yến	10/16/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
99	18051130	Hoàng Thị Dũng	09/10/1999	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
100	18051131	Lương Trung Thành	10/05/1999	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
101	19050814	Hồ Hạnh An	01/04/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
102	19050815	Nguyễn Hải An	11/13/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
103	19050817	Phạm Vũ Quỳnh An	10/13/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
104	19050818	Đỗ Hoàng Anh	07/18/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

105	19050819	Lê Phương Anh	11/17/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
106	19050820	Lê Thị Hà Anh	09/03/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
107	19050821	Nguyễn Hồ Kiều Anh	03/12/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
108	19050822	Nguyễn Mai Anh	06/30/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
109	19050823	Nguyễn Phương Anh	04/13/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
110	19050824	Nguyễn Phương Anh	09/04/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
111	19050825	Nguyễn Thị Lan Anh	11/25/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
112	19050827	Phạm Thị Quỳnh Anh	09/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
113	19050829	Trần Thị Ngọc Anh	10/21/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
114	19050830	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	06/05/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
115	19050831	Phan Ngọc Ánh	08/21/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
116	19050832	Nguyễn Thị Ngọc Bích	09/25/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
117	19050833	Đào Thị Thanh Bình	12/06/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
118	19050835	Nguyễn Minh Châu	11/02/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
119	19050836	Bùi Kim Chi	06/13/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
120	19050837	Lê Thị Linh Chi	07/19/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
121	19050838	Tạ Kim Chi	11/23/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
122	19050839	Nguyễn Hồng Đăng	01/07/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
123	19050840	Trần Thị Diệu	04/14/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
124	19050841	Lê Duy Đức	09/26/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
125	19050843	Giang Thủy Dung	01/09/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
126	19050844	Phạm Thị Dung	01/02/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
127	19050845	Tăng Thị Thùy Dung	09/27/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
128	19050846	Bùi Thùy Dương	04/03/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
129	19050847	Đinh Thùy Dương	01/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
130	19050849	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	05/23/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
131	19050850	Đinh Thị Cẩm Giang	08/07/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
132	19050851	Nguyễn Hương Giang	06/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
133	19050852	Nguyễn Thùy Giang	07/17/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
134	19050853	Phương Thu Giang	02/27/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
135	19050854	Ngô Thị Hà	07/27/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
136	19050856	Nguyễn Thị Thu Hà	09/11/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
137	19050857	Lương Gia Hân	07/31/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
138	19050858	Hà Minh Hằng	05/31/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
139	19050860	Lê Thị Hạnh	07/11/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
140	19050861	Nguyễn Bích Hạnh	03/07/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
141	19050863	Vũ Hồng Hạnh	08/25/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
142	19050864	Nguyễn Thị Hào	08/30/2000	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
143	19050865	Hoàng Thu Hiền	12/26/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
144	19050866	Nguyễn Thị Thúy Hiền	09/04/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
145	19050867	Nguyễn Thu Hiền	07/17/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
146	19050868	Nguyễn Thị Hoa	03/29/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
147	19050869	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	06/14/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
148	19050870	Phùng Thị Thúy Hồng	01/13/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
149	19050871	Đặng Thị Huệ	10/23/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
150	19050872	Trần Thị Huệ	01/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
151	19050873	Vũ Ngọc Hùng	07/19/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,375,000	19,375,000	-
152	19050874	Đỗ Thị Hương	01/17/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
153	19050876	Nghiêm Thị Thu Hương	01/27/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
154	19050877	Ngô Thị Lan Hương	10/16/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
155	19050878	Phạm Thị Thu Hương	10/29/2000	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
156	19050880	Kiều Thị Thu Hương	02/26/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
157	19050882	Đỗ Thị Huyền	09/17/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
158	19050883	Mai Ngọc Huyền	07/31/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
159	19050884	Nguyễn Khánh Huyền	09/02/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
160	19050885	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	04/21/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
161	19050886	Phùng Thanh Huyền	09/19/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

162	19050887	Nguyễn Thị Tùng Lâm	10/05/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
163	19050888	Nguyễn Thị Lan	11/13/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
164	19050890	Nguyễn Thị Liên	07/03/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
165	19050892	Đinh Khánh Linh	06/03/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
166	19050893	Lê Khánh Linh	09/09/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
167	19050894	Nguyễn Khánh Linh	07/30/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
168	19050895	Nguyễn Thị Thùy Linh	10/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
169	19050896	Nguyễn Thùy Linh	10/20/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
170	19050897	Nhâm Thị Diệu Linh	09/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
171	19050898	Phạm Thị Linh	12/18/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
172	19050899	Phạm Thị Phương Linh	03/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
173	19050900	Phạm Trần Khánh Linh	12/11/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
174	19050901	Phí Thùy Linh	12/22/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
175	19050903	Phương Thùy Linh	05/25/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
176	19050904	Trịnh Thị Mỹ Linh	08/16/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
177	19050905	Vì Nhật Linh	08/04/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-
178	19050906	Nguyễn Thị Cẩm Ly	10/24/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
179	19050907	Nguyễn Thị Hương Ly	02/10/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
180	19050908	Nguyễn Thị Khánh Ly	06/28/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-
181	19050909	Phan Hương Ly	10/01/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
182	19050911	Ngô Phương Mai	11/18/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
183	19050912	Tan Shi Min	03/13/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
184	19050913	Nguyễn Hoa Trà My	12/10/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
185	19050914	Nguyễn Lê Hà My	04/10/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
186	19050915	Đặng Phạm Ý Mỹ	09/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
187	19050918	Trần Thu Ngân	12/09/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
188	19050919	Bùi Thu Ngọc	10/25/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
189	19050920	Khuất Hồng Ngọc	08/21/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
190	19050921	Lê Thảo Ngọc	12/31/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
191	19050922	Lê Thị Hồng Ngọc	05/02/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
192	19050923	Nguyễn Bích Ngọc	05/21/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
193	19050924	Nguyễn Thị Bích Ngọc	06/16/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
194	19050925	Nguyễn Khánh Nguyên	03/19/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
195	19050926	Nguyễn Thị Nguyệt	12/26/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
196	19050928	Đỗ Yến Nhi	01/17/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
197	19050929	Nguyễn Thị Uyên Nhi	11/01/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
198	19050930	Nguyễn Trần Mai Nhi	09/01/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
199	19050931	Trần Thảo Nhi	01/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
200	19050932	Hoàng Thị Hồng Nhung	01/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
201	19050933	Lê Trang Nhung	03/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
202	19050934	Nguyễn Thị Hồng Nhung	09/02/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
203	19050935	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01/29/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
204	19050936	Nguyễn Thị Trang Nhung	03/18/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
205	19050940	Đỗ Thị Phúc	09/03/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
206	19050941	Nguyễn Đỗ Thiên Phúc	01/18/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
207	19050942	Bùi Thảo Phương	11/16/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
208	19050945	Phạm Hà Phương	12/28/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
209	19050947	Nguyễn Lê Đan Phương	10/26/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
210	19050948	Hoàng Thị Thu Quyên	07/29/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
211	19050949	Đặng Thị Ngọc Quỳnh	08/19/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
212	19050950	Nguyễn Như Quỳnh	09/26/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
213	19050951	Nguyễn Thị Sao	08/25/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
214	19050952	Nguyễn Thị Thanh Thanh	08/22/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
215	19050953	Đỗ Thị Hương Thảo	06/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
216	19050954	Hán Thị Thu Thảo	07/14/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
217	19050955	Lê Thị Thu Thảo	05/20/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
218	19050956	Nguyễn Phương Thảo	11/11/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

219	19050957	Nguyễn Thị Phương Thảo	11/18/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
220	19050958	Nguyễn Thị Thảo	04/02/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
221	19050959	Nguyễn Thị Thảo	10/07/2000	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
222	19050960	Phạm Thị Phương Thảo	08/18/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
223	19050961	Phạm Thị Thảo	06/24/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
224	19050964	Phạm Thị Thanh Thư	11/06/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
225	19050965	Phí Thị Huyền Thương	01/12/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
226	19050967	Nguyễn Thị Thùy	02/16/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
227	19050968	Nguyễn Thị Thùy	07/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
228	19050969	Bùi Thị Thanh Thùy	04/05/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
229	19050970	Nguyễn Thu Thùy	01/14/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
230	19050971	Phạm Nguyễn Thu Trà	04/05/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
231	19050972	Luyện Thị Huyền Trang	12/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
232	19050973	Nguyễn Thị Hà Trang	07/27/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
233	19050975	Nguyễn Thị Thùy Trang	06/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
234	19050976	Nguyễn Thùy Trang	07/16/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
235	19050977	Nguyễn Thùy Trang	09/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
236	19050978	Phạm Hà Trang	09/24/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
237	19050979	Trần Quỳnh Trang	02/28/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
238	19050980	Vũ Thị Quỳnh Trang	12/04/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
239	19050981	Chu Cẩm Tú	10/29/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
240	19050982	Trần Lê Cẩm Tú	09/16/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
241	19050984	Nguyễn Lê Tùng	08/27/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
242	19050985	Nguyễn Thị Phương Uyên	01/25/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
243	19050986	Diêm Thị Quỳnh Vân	07/21/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
244	19050987	Hoàng Lê Thảo Vy	05/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
245	19050988	Hoàng Thị Hải Yến	04/22/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
246	19050989	Lê Thị Hải Yến	06/02/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
247	19050994	Phạm Tuấn Anh	09/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
248	19050995	Nguyễn Quỳnh Anh	01/08/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
249	19050999	Nguyễn Trang Nhung	03/24/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
250	20050036	Phương Dạ Thảo	06/04/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
251	20050054	Hà Cẩm Bình	11/24/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
252	20050057	Phạm Thị Quỳnh Chi	9/21/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
253	20050107	Trần Hoàng Gia Huy	07/17/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
254	20050108	Nghiêm Thu Huyền	10/09/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
255	20050170	Lê Minh Trang	07/31/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
256	20050561	Nguyễn Bình An	12/14/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
257	20050563	Đỗ Phương Anh	11/03/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
258	20050564	Đinh Thị Huyền Anh	10/23/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
259	20050565	Lê Mai Anh	01/08/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
260	20050566	Lê Ngọc Anh	11/24/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
261	20050567	Lê Quỳnh Anh	05/01/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
262	20050568	Lê Thị Vân Anh	08/31/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
263	20050569	Lê Trương Thực Anh	05/08/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
264	20050570	Nguyễn Hà Anh	04/17/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
265	20050571	Nguyễn Lê Thực Anh	08/31/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
266	20050572	Nguyễn Ngọc Anh	05/20/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
267	20050573	Nguyễn Phương Anh	08/27/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
268	20050574	Nguyễn Phương Anh	05/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
269	20050575	Nguyễn Thị Diệu Anh	06/14/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
270	20050576	Nguyễn Thị Việt Anh	07/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
271	20050577	Phạm Thị Mai Anh	10/16/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
272	20050578	Phạm Trần Trâm Anh	08/04/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
273	20050579	Tạ Hà Anh	10/04/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
274	20050580	Trần Quốc Anh	01/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
275	20050581	Vũ Quỳnh Anh	04/20/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-

276	20050582	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	08/14/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	-
277	20050583	Nguyễn Thảo Ân	09/30/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
278	20050584	Đặng Quốc Báo	09/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
279	20050585	Phạm Lê Hồng Châu	09/17/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
280	20050586	Dương Thị Tùng Chi	12/02/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
281	20050587	Đào Huệ Chi	02/17/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
282	20050588	Đặng Quỳnh Chi	11/12/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
283	20050589	Nguyễn Quỳnh Chi	10/19/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
284	20050590	Nguyễn Thị Thuý Chinh	02/23/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
285	20050591	Nguyễn Mạnh Cường	10/27/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
286	20050592	Trịnh Thị Diễm	03/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
287	20050593	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	04/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
288	20050594	Phùng Thị Phương Dung	04/07/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
289	20050595	Vũ Thị Mỹ Dung	08/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	-
290	20050596	Đông Thị Thùy Dương	10/03/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
291	20050597	Nguyễn Thùy Dương	11/04/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
292	20050598	Nguyễn Thùy Dương	11/07/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
293	20050599	Phan Ngọc Đông	12/25/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
294	20050600	Nguyễn Hoài Đức	11/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
295	20050601	Phạm Việt Đức	10/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
296	20050602	Quách Trọng Đức	09/21/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
297	20050603	Đỗ Thu Hà	10/16/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
298	20050604	Đoàn Thị Thu Hà	03/29/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
299	20050605	Nguyễn Thị Hà	11/30/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
300	20050606	Nguyễn Thị Thu Hà	03/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
301	20050608	Trần Thị Việt Hà	02/15/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
302	20050609	Trần Thu Hà	08/12/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
303	20050610	Trần Thúy Hải	12/19/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
304	20050611	Ngô Đức Minh Hằng	04/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
305	20050612	Trần Diệu Hằng	07/02/2001	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
306	20050613	Nguyễn Thu Hiền	08/12/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
307	20050614	Trần Thị Thanh Hiền	01/02/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
308	20050615	Hà Trung Hiếu	02/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
309	20050616	Dương Mỹ Hoa	10/08/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
310	20050617	Nguyễn Thị Phương Hoa	08/28/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	-
311	20050620	Phan Mạnh Hoàng	09/16/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
312	20050621	Nguyễn Bích Hồng	04/20/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	-
313	20050622	Nguyễn Thị Thu Huệ	08/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
314	20050623	Phạm Minh Huệ	09/30/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
315	20050625	Nguyễn Thị Minh Huệ	07/09/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
316	20050626	Mao Trọng Hùng	09/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
317	20050627	Dương An Huy	09/22/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
318	20050629	Lê Ngọc Huyền	12/23/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
319	20050630	Lê Phương Huyền	10/24/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
320	20050631	Ngô Khánh Huyền	10/11/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	-
321	20050632	Nguyễn Thu Huyền	12/11/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
322	20050633	Nguyễn Thị Hương	02/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
323	20050635	Trần Thanh Hương	11/23/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
324	20050636	Nguyễn Kiều Khanh	03/07/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
325	20050637	Lương Thủy Lan	08/02/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
326	20050638	Trần Thị Lan	12/15/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
327	20050639	Hà Tuấn Lâm	04/19/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	15,570,000	15,570,000	-	-
328	20050640	Nguyễn Tiến Lâm	09/28/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
329	20050641	Hoàng Thị Lệ	01/20/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
330	20050642	Nguyễn Thị Phương Liên	07/30/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
331	20050643	Đào Phương Linh	02/22/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
332	20050644	Mai Diệu Linh	03/02/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC I (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-

333	20050645	Nguyễn Phương Linh	03/12/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
334	20050646	Nguyễn Thị Mai Linh	10/21/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
335	20050647	Nguyễn Thị Phương Linh	05/24/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
336	20050648	Nguyễn Thị Thùy Linh	05/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
337	20050649	Nguyễn Thị Thùy Linh	03/12/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
338	20050650	Nguyễn Thùy Linh	10/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
339	20050651	Phạm Thảo Linh	06/07/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
340	20050652	Trần Thủy Linh	10/13/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
341	20050653	Trương Thu Linh	02/17/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
342	20050654	Kiều Thảo Ly	07/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
343	20050655	Nguyễn Thị Khánh Ly	09/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
344	20050656	Trịnh Hải Ly	05/16/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
345	20050657	Ngô Thị Hoàng Mai	11/23/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
346	20050658	Phạm Thị Thanh Mai	12/09/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
347	20050659	Quách Hiểu Mai	11/19/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
348	20050660	Nguyễn Huyền My	06/09/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
349	20050661	Hà Phương Ngân	05/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
350	20050662	Nguyễn Thị Ngân	06/27/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
351	20050663	Lê Bảo Ngọc	08/14/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
352	20050664	Lê Thị Ngọc	05/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
353	20050665	Ngô Thị Ngọc	02/25/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
354	20050666	Nguyễn Thị Minh Ngọc	06/29/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
355	20050667	Phạm Bích Ngọc	07/08/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
356	20050669	Trần Thị Bích Ngọc	04/11/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
357	20050670	Vũ Thị Minh Ngọc	08/22/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
358	20050671	Hoàng Khánh Nguyệt	10/13/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
359	20050673	Phạm Thị Thu Nhài	03/23/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
360	20050675	Nghiêm Thị Mỹ Nhung	05/06/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
361	20050676	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12/06/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
362	20050677	Nguyễn Công Phước	04/15/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
363	20050678	Bùi Hoài Phương	05/12/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
364	20050679	Nguyễn Thị Hồng Phương	07/20/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
365	20050680	Nguyễn Thị Phương	02/11/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
366	20050681	Trần Hà Phương	01/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
367	20050682	Trần Thị Thanh Phương	07/11/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
368	20050684	Vũ Thùy Phương	01/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
369	20050685	Đoàn Nguyễn Châu Phương	03/15/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
370	20050687	Trần Minh Phương	10/03/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
371	20050688	Lưu Mỹ Quỳnh	08/01/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
372	20050689	Đỗ Diệu Quỳnh	08/20/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
373	20050690	Đình Xuân Quỳnh	12/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
374	20050691	Hoàng Tú Quỳnh	06/02/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
375	20050692	Nguyễn Thị Quỳnh	07/09/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
376	20050694	Đặng Thị Thanh	11/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
377	20050695	Lê Thị Thúy Thanh	09/28/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
378	20050696	Nguyễn Thị Phương Thanh	10/12/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
379	20050697	Phạm Tuấn Thành	12/16/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
380	20050698	Bé Phương Thảo	12/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
381	20050700	Dương Thu Thảo	11/08/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
382	20050701	Đặng Thị Phương Thảo	04/29/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
383	20050702	Lê Thị Thanh Thảo	12/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
384	20050703	Nguyễn Phương Thảo	11/19/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
385	20050704	Nguyễn Thị Thảo	09/14/2001	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
386	20050705	Nguyễn Thu Thảo	01/27/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
387	20050706	Phạm Thị Phương Thảo	12/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
388	20050707	Vũ Thị Thanh Thảo	10/02/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
389	20050708	Trần Thị Thắng	04/19/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-



390	20050709	Đỗ Thu Thùy	09/01/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
391	20050710	Nguyễn Thanh Thùy	11/28/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
392	20050711	Nguyễn Hà Khánh Thu	11/07/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
393	20050712	Nguyễn Minh Thu	09/01/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
394	20050713	Dương Thị Thu Trà	03/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
395	20050714	Lê Thị Hương Trà	11/17/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
396	20050716	Hoàng Nguyễn Thu Trang	02/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
397	20050717	Hoàng Phương Trang	12/09/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
398	20050718	Hoàng Thị Thu Trang	02/01/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
399	20050720	Lê Thị Thu Trang	07/15/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
400	20050721	Lý Thị Trang	03/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
401	20050722	Nguyễn Đoàn Minh Trang	07/30/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
402	20050723	Nguyễn Huyền Trang	01/25/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
403	20050724	Nguyễn Thu Trang	03/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
404	20050725	Phạm Quỳnh Trang	11/11/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
405	20050726	Phạm Thị Thu Trang	10/22/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
406	20050727	Đoàn Bảo Trâm	11/04/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
407	20050728	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	10/07/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
408	20050729	Nguyễn Công Trí	10/10/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
409	20050730	Dương Thị Thanh Trúc	05/05/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
410	20050731	Trương Lê Vĩnh Tuấn	10/09/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
411	20050732	Nguyễn Thị Tuyết	09/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
412	20050733	Đặng Thủy Vân	09/25/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
413	20050734	Nguyễn Thị Thảo Vân	08/22/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
414	20050735	Phạm Thị Hồng Vân	06/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
415	20050736	Đỗ Thị Vui	09/09/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
416	20050737	Phạm Vũ Thảo Vy	08/04/2001	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
417	20050738	Vũ Hà Vy	07/24/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
418	20050739	Đỗ Hải Yến	07/13/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
419	20050740	Lê Thị Hải Yến	12/18/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
<b>Khoa Kinh tế</b>			<i>455 sinh viên</i>				
420	19050001	Bùi Nguyệt An	12/11/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
421	19050003	Bùi Việt Minh Anh	10/07/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
422	19050004	Đào Thị Phương Anh	10/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
423	19050005	Đào Việt Anh	01/18/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
424	19050006	Đông Tuấn Anh	08/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
425	19050007	Hồ Lê Minh Anh	06/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
426	19050009	Lê Ngọc Anh	12/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
427	19050010	Lương Kim Anh	03/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
428	19050011	Ngô Phương Anh	09/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
429	19050012	Ngô Thực Anh	09/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
430	19050013	Nguyễn Minh Anh	05/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
431	19050014	Nguyễn Minh Anh	12/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
432	19050015	Nguyễn Ngọc Anh	03/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
433	19050016	Nguyễn Phương Anh	07/06/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
434	19050017	Nguyễn Thái Anh	07/01/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
435	19050018	Nguyễn Thị Hồng Anh	09/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
436	19050019	Nguyễn Thị Vân Anh	10/29/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
437	19050020	Nguyễn Tuấn Anh	06/14/1999	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
438	19050021	Nguyễn Tuấn Anh	07/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
439	19050022	Nguyễn Vũ Đức Anh	01/06/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
440	19050023	Phạm Hải Anh	06/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
441	19050024	Phạm Minh Anh	10/24/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
442	19050025	Trịnh Thị Lan Anh	01/17/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
443	19050026	Đinh Thị Minh Anh	09/02/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,925,000	-
444	19050027	Lương Thị Ánh	03/05/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
445	19050030	Trần Bảo Châu	03/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

446	19050031	Nguyễn Phương Chi	05/07/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
447	19050033	Vương Khánh Chi	06/27/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
448	19050034	Nguyễn Minh Chiến	08/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	-
449	19050035	Bùi Kiều Chinh	05/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
450	19050036	Đình Thị Kiều Chinh	02/14/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
451	19050037	Nguyễn Kiều Chinh	12/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
452	19050038	Đông Thị Chuyên	12/30/2000	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
453	19050039	Phùng Thị Hải Chuyên	10/24/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
454	19050040	Nguyễn Khắc Đăng	08/13/2000	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-	-
455	19050041	Vũ Hải Đăng	05/21/2000	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
456	19050042	Phùng Ngọc Diệp	08/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
457	19050044	Phạm Thùy Dung	07/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
458	19050045	Đỗ Minh Dũng	05/28/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
459	19050048	Tạ Tri Dũng	08/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
460	19050049	Đặng Nguyên Dương	09/22/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	-
461	19050050	Phạm Thuý Dương	04/11/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
462	19050051	Chung Tuấn Duy	10/15/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
463	19050052	Nguyễn Khánh Duy	07/17/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
464	19050053	Phạm Hồng Duy	06/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
465	19050054	Phạm Ngọc Duy	06/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
466	19050056	Khiều Thị Mỹ Duyên	10/27/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
467	19050057	Bùi Thị Hoàng Giang	07/31/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
468	19050058	Lương Ngọc Thu Giang	01/15/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
469	19050060	Trần Ngọc Hương Giang	05/19/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
470	19050062	Vương Hồng Giang	05/07/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
471	19050063	Bùi Quang Hà	08/22/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
472	19050065	Hoàng Thu Hà	10/31/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
473	19050066	Nguyễn Thị Thu Hà	04/06/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
474	19050067	Đỗ Xuân Hải	10/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
475	19050069	Đặng Thị Thanh Hằng	07/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
476	19050070	Hoàng Minh Hằng	01/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
477	19050071	Lý Thị Thanh Hằng	12/19/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
478	19050072	Ngô Thu Hằng	01/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
479	19050074	Nguyễn Thu Hằng	08/28/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
480	19050075	Nguyễn Thủy Hạnh	11/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
481	19050076	Trương Hồng Hạnh	07/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
482	19050077	Trương Vân Hạnh	10/30/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
483	19050078	Lê Phúc Hậu	05/26/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
484	19050079	Trần Thị Hậu	10/02/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
485	19050080	Nguyễn Thị Thanh Hiền	03/24/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
486	19050081	Nguyễn Thị Thu Hiền	08/24/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
487	19050082	Nguyễn Thu Hiền	11/30/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
488	19050083	Nguyễn Thu Hiền	10/22/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
489	19050084	Phạm Thị Hiền	08/17/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,490,000	17,490,000	-	-
490	19050085	Trương Thị Thu Hiền	07/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
491	19050086	Nguyễn Minh Hiếu	07/23/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
492	19050087	Nông Minh Hiếu	04/11/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
493	19050088	Tô Minh Hiếu	02/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	-	-
494	19050089	Trần Minh Hiếu	10/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
495	19050090	Trịnh Đức Hiếu	04/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
496	19050091	Vũ Trung Hiếu	01/02/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
497	19050092	Đào Thị Hoa	06/14/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
498	19050093	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	08/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
499	19050094	Bùi Thị Hòa	12/11/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
500	19050095	Lê Diên Hòa	07/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
501	19050096	Bùi Lê Minh Hoàng	03/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
502	19050097	Bùi Việt Hoàng	01/23/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-

503	19050098	Trần Dương Hoàng	01/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
504	19050100	Nguyễn Thị Bích Hợp	10/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
505	19050102	Nguyễn Đức Hùng	08/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
506	19050103	Đào Thanh Hương	06/28/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
507	19050105	Lê Thị Linh Hương	10/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
508	19050106	Lê Thị Mai Hương	02/05/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
509	19050110	Trần Quỳnh Hương	03/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
510	19050112	Trịnh Thị Thu Hương	06/07/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
511	19050117	Lê Khánh Huyền	07/06/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
512	19050119	Nguyễn Thanh Huyền	12/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
513	19050120	Nguyễn Thị Huyền	03/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
514	19050121	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	05/14/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
515	19050122	Nguyễn Thị Thu Huyền	01/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
516	19050123	Nguyễn Đức Khải	10/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
517	19050124	Nguyễn Xuân Khiêm	05/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
518	19050125	Cao Đình Kiên	06/18/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
519	19050126	Đỗ Hữu Kiên	09/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
520	19050127	Nguyễn Xuân Kiên	08/23/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
521	19050128	Nguyễn Vĩnh Kỳ	01/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
522	19050129	Vũ Thị La	08/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
523	19050130	Trần Khánh Lâm	10/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
524	19050133	Bùi Diệu Linh	09/26/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
525	19050134	Đặng Phương Linh	09/15/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
526	19050135	Đỗ Ngọc Linh	01/28/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
527	19050136	Lê Huyền Linh	11/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
528	19050137	Lê Thùy Linh	12/28/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
529	19050138	Mã Phương Linh	10/18/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-
530	19050139	Nguyễn Bảo Linh	11/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
531	19050140	Nguyễn Bảo Linh	10/07/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
532	19050141	Nguyễn Diệp Linh	03/01/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
533	19050142	Nguyễn Gia Linh	11/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
534	19050143	Nguyễn Khánh Linh	10/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
535	19050144	Nguyễn Khánh Linh	10/14/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
536	19050145	Nguyễn Mai Linh	11/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
537	19050146	Nguyễn Thị Khánh Linh	02/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
538	19050148	Nguyễn Thị Mai Linh	08/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
539	19050149	Nguyễn Thùy Linh	10/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
540	19050151	Trần Hà Linh	08/24/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
541	19050152	Trịnh Thùy Linh	09/02/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
542	19050154	Vũ Hòa Linh	08/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
543	19050156	Nguyễn Bảo Long	07/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
544	19050157	Trần Thị Hiền Lương	01/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
545	19050158	Bạch Kiều Ly	10/26/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
546	19050160	Dương Hà Hương Ly	03/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
547	19050161	Ngô Khánh Ly	07/06/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
548	19050163	Hà Thanh Mai	02/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
549	19050164	Lê Thanh Mai	03/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
550	19050165	Nguyễn Ngọc Mai	04/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
551	19050166	Nguyễn Quỳnh Mai	04/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
552	19050167	Nguyễn Thanh Mai	07/19/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
553	19050168	Nguyễn Thị Xuân Mai	05/19/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
554	19050169	Nguyễn Xuân Mai	10/11/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
555	19050170	Tổng Lương Quỳnh Mai	04/03/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
556	19050171	Trịnh Thanh Mai	10/29/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
557	19050172	Đình Quang Mạnh	08/19/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
558	19050174	Đoàn Thị Minh	11/14/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
559	19050175	Lê Anh Minh	12/20/2000	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

560	19050176	Lê Diệu Minh	01/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
561	19050178	Trần Toàn Minh	03/07/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	20,920,000	20,920,000	-
562	19050180	Nguyễn Hoàng Hà My	10/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
563	19050182	Nguyễn Linh Nga	09/02/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
564	19050183	Hà Thị Hồng Ngân	06/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	-
565	19050184	Hoàng Lê Bảo Ngân	03/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
566	19050185	Lê Kim Ngân	01/01/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
567	19050186	Trần Phúc Nghĩa	10/29/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
568	19050187	Lê Thị Minh Ngọc	11/28/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
569	19050189	Nguyễn Thị Ngọc	02/18/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
570	19050190	Lê Thị Thảo Nguyên	08/27/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
571	19050191	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	12/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
572	19050192	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	10/23/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
573	19050193	Đỗ Thúy Nhài	12/02/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
574	19050194	Lê Thảo Nhi	05/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
575	19050195	Nguyễn Hồng Nhung	10/06/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
576	19050196	Nguyễn Thị Hồng Nhung	08/18/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
577	19050198	Trịnh Thị Nhung	08/15/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
578	19050200	Đỗ Thị Kim Oanh	12/19/2000	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
579	19050201	Nguyễn Thị Kim Oanh	06/15/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
580	19050202	Đặng Minh Phong	05/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
581	19050203	Tăng Đức Phong	02/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
582	19050204	Trần Anh Phong	08/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
583	19050205	Bùi Thị Thu Phương	11/23/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	-
584	19050206	Ngô Hà Phương	08/28/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
585	19050207	Nguyễn Hà Phương	10/01/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
586	19050208	Nguyễn Huệ Phương	06/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
587	19050209	Nguyễn Thanh Phương	02/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
588	19050210	Nguyễn Thị Trúc Phương	11/05/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
589	19050214	Vũ Duy Nguyễn Phương	08/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
590	19050215	Vũ Minh Phương	10/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
591	19050216	Vương Thu Phương	11/06/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
592	19050219	Nguyễn Tuấn Quang	01/22/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
593	19050221	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	10/05/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
594	19050224	Đặng Diễm Quỳnh	08/14/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
595	19050225	Đoàn Thị Như Quỳnh	08/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
596	19050226	Lương Thị Thúy Quỳnh	07/15/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
597	19050227	Nguyễn Như Quỳnh	10/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
598	19050228	Nguyễn Thúy Quỳnh	11/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
599	19050229	Trần Thị Phương Quỳnh	05/03/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
600	19050230	Vũ Như Quỳnh	06/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
601	19050231	Bùi Giang Sơn	03/14/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
602	19050232	Đông Xuân Sơn	05/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
603	19050235	Trần Mạnh Tài	02/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
604	19050236	Nguyễn Linh Tâm	12/17/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
605	19050237	Nguyễn Minh Tân	07/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
606	19050238	Nguyễn Hà Tây	01/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
607	19050239	Nguyễn Thị Hồng Thắm	01/01/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
608	19050240	Trần Minh Thắng	03/15/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
609	19050241	Hồ Thị Kim Thanh	04/29/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
610	19050242	Phạm Thị Thanh Thanh	04/23/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
611	19050243	Lê Tiến Thành	10/22/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
612	19050244	Nguyễn Hữu Thành	01/29/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
613	19050245	Lê Phương Thảo	02/17/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
614	19050246	Mai Phương Thảo	11/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
615	19050247	Nguyễn Phương Thảo	06/18/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
616	19050248	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

617	19050249	Nguyễn Thị Thu Thảo	03/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
618	19050250	Trần Thị Mai Thảo	04/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
619	19050253	Vũ Thị Phương Thảo	11/24/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
620	19050255	Nguyễn Đức Thoại	02/14/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
621	19050256	Lê Hà Thu	10/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
622	19050257	Nguyễn Thị Thu	02/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
623	19050258	Nguyễn Thị Thu	09/29/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
624	19050259	Nguyễn Thị Thanh Thư	03/27/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
625	19050260	Đỗ Thanh Thúy	06/27/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
626	19050261	Nguyễn Thị Thúy	04/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
627	19050262	Phạm Minh Thúy	04/19/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
628	19050263	Đặng Diễm Thùy	10/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
629	19050265	Đỗ Thuý Tiên	12/01/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
630	19050266	Hoàng Vũ Tín	10/02/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
631	19050268	Đặng Văn Trà	04/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
632	19050269	Nguyễn Hương Trà	01/29/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
633	19050270	Chu Huyền Trang	07/01/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
634	19050271	Hoàng Thị Trang	07/23/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
635	19050272	Lê Minh Trang	06/26/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
636	19050274	Nguyễn Thị Huyền Trang	02/08/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
637	19050275	Phạm Thị Huyền Trang	06/01/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
638	19050279	Bùi Thị Lâm Trúc	11/10/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
639	19050280	Phùng Như Trường	09/02/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
640	19050282	Phạm Tuấn	08/31/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
641	19050283	Nguyễn Lê Anh Tùng	11/22/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
642	19050284	Lê Thị Ánh Tuyết	07/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
643	19050285	Bùi Ngọc Uyên	09/27/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
644	19050286	Đỗ Thị Hồng Uyên	11/17/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
645	19050288	Phạm Mai Uyên	08/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
646	19050289	Ngô Thùy Vân	11/24/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
647	19050291	Trần Thảo Vân	02/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
648	19050292	Chữ Thị Thảo Vi	07/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
649	19050293	Đào Thị Hà Vi	03/03/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
650	19050294	Dương Nguyễn Tường Vi	04/21/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
651	19050295	Vũ Minh Việt	04/24/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
652	19050296	Nguyễn Tô Long Vũ	08/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
653	19050297	Nguyễn Thị Thuận Vy	09/07/2000	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
654	19050298	Trần Thị Thanh Xuân	12/31/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
655	19050299	Lê Hải Yến	01/25/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
656	19050308	Trần Danh Dũng	08/27/2000	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
657	19050310	Phạm Thị Thùy Linh	09/29/2000	QH-2019-E KINH TE-CLC 1 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-
658	20050015	Hoàng Thảo Linh	03/10/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
659	20050038	Nguyễn Huy Hoàng	08/05/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
660	20050076	Nguyễn Thùy Dương	07/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
661	20050972	Bùi Lê An	09/17/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
662	20050973	Nguyễn Đăng An	04/05/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
663	20050974	Phạm Hà Thủy An	02/21/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
664	20050975	Đỗ Nguyệt Anh	01/23/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
665	20050976	Đỗ Phương Anh	01/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
666	20050977	Đỗ Tuấn Anh	04/22/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
667	20050979	Hoàng Minh Đức Anh	07/15/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
668	20050980	Lê Hoài Anh	06/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
669	20050981	Lê Thị Kiều Anh	01/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
670	20050982	Ngô Quốc Anh	07/15/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
671	20050983	Nguyễn Duy Anh	04/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
672	20050984	Nguyễn Hùng Anh	10/02/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
673	20050985	Nguyễn Lâm Mỹ Anh	05/18/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

674	20050986	Nguyễn Phương Anh	12/17/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
675	20050987	Nguyễn Thị Hải Anh	02/15/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
676	20050988	Nguyễn Trần Phương Anh	07/03/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
677	20050989	Nguyễn Trung Anh	05/14/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
678	20050990	Nguyễn Tuấn Anh	08/05/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
679	20050991	Nguyễn Văn Anh	09/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
680	20050992	Nguyễn Việt Anh	03/17/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
681	20050993	Ninh Thị Lan Anh	07/14/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
682	20050994	Phạm Kim Anh	06/16/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
683	20050995	Phạm Ngọc Anh	08/08/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
684	20050996	Vũ Ngọc Anh	08/16/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
685	20050997	Đoàn Thị Ngọc Ánh	10/08/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
686	20050998	Hoàng Thị Ánh	02/06/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
687	20050999	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	05/02/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
688	20051000	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	06/22/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
689	20051001	Phạm Minh Ánh	09/18/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
690	20051002	Ngô Thị Ngọc Bích	01/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
691	20051003	Nguyễn Thị Hải Bình	03/09/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
692	20051004	Nguyễn Văn Cao	08/18/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
693	20051005	Kiều Phương Châm	02/06/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
694	20051006	Nguyễn Minh Châu	08/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
695	20051007	Chu Linh Chi	03/15/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
696	20051008	Hoàng Thị Phương Chi	12/16/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
697	20051009	Lê Phương Chi	02/04/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
698	20051010	Nguyễn Hà Chi	11/24/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
699	20051011	Trần Thị Kim Chi	06/16/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
700	20051012	Nguyễn Thị Cúc	01/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
701	20051013	Kiều Đức Cường	08/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
702	20051014	Nguyễn Mạnh Cường	05/25/2001	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
703	20051015	Phạm Thị Diễm	05/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
704	20051016	Tổng Thị Diễm	09/30/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
705	20051017	Đỗ Thị Thùy Dung	10/20/2001	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
706	20051018	Nguyễn Lê Dung	01/08/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
707	20051019	Kim Đức Dũng	01/25/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
708	20051021	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	04/15/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
709	20051022	Đỗ Tùng Dương	12/07/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
710	20051023	Nguyễn Công Dương	01/07/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
711	20051024	Nguyễn Thị Dương	04/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
712	20051025	Phan Thùy Dương	11/12/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
713	20051026	Nguyễn Tiến Đạt	03/21/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
714	20051027	Nguyễn Tiến Đạt	06/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
715	20051028	Vũ Công Đạt	07/26/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
716	20051029	Nguyễn Trọng Hải Đăng	11/08/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
717	20051030	Vũ Hoàng Đình	09/29/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
718	20051031	Dương Văn Đức	01/20/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
719	20051032	Lê Hà Minh Đức	10/29/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
720	20051033	Trần Tuấn Đức	10/02/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
721	20051036	Lê Thị Hà	02/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
722	20051037	Nguyễn Thu Hà	03/03/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
723	20051038	Nguyễn Thu Hà	08/31/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
724	20051039	Nguyễn Thu Hà	11/13/2001	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
725	20051040	Ngô Thị Hạ	12/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
726	20051041	Đào Trung Hải	10/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
727	20051042	Vũ Thị Hồng Hạnh	05/01/2001	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
728	20051043	Diễm Thị Hằng	09/16/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
729	20051045	Đặng Nữ Ngọc Hân	11/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
730	20051046	Nguyễn Thu Hiền	05/09/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

731	20051047	Nguyễn Minh Hiền	05/03/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
732	20051049	Lê Minh Hiệp	04/02/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
733	20051051	Lại Minh Hiếu	06/06/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
734	20051052	Nguyễn Đỗ Phương Hoa	02/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
735	20051053	Nguyễn Ngọc Hoa	12/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
736	20051054	Dương Việt Hoàng	08/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
737	20051056	Nguyễn Việt Hoàng	01/20/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
738	20051057	Trần Việt Hoàng	03/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
739	20051058	Ngô Xuân Hùng	02/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
740	20051059	Nguyễn Tuấn Hùng	01/31/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
741	20051060	Kiều Quang Huy	04/06/2001	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
742	20051061	Lê Quang Huy	11/21/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
743	20051062	Phí Anh Huy	02/22/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
744	20051063	Bùi Thu Huyền	08/04/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
745	20051064	Đoàn Thu Huyền	04/25/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
746	20051066	Phạm Thị Thanh Huyền	10/18/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
747	20051067	Trần Khánh Huyền	12/03/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
748	20051068	Nguyễn Quốc Hưng	06/06/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
749	20051069	Nguyễn Quốc Hưng	12/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
750	20051070	Trần Thái Hưng	09/18/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
751	20051071	Hoàng Thu Hương	12/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
752	20051072	Nguyễn Lan Hương	08/25/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
753	20051075	Trần Thị Mai Hương	08/03/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
754	20051076	Trần Thị Mai Khanh	08/31/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
755	20051078	Nguyễn Nam Khánh	11/08/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
756	20051079	Trần Duy Khánh	12/02/2001	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
757	20051080	Trần Như Trung Kiên	06/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
758	20051081	Trần Thị Ngọc Lan	04/07/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
759	20051082	Đỗ Thị Lâm	02/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
760	20051083	Trần Bảo Lâm	07/04/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
761	20051084	Đoàn Khánh Linh	01/09/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
762	20051085	Nguyễn Hoàng Linh	04/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
763	20051086	Nguyễn Thị Hà Linh	10/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
764	20051087	Nguyễn Thị Khánh Linh	10/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
765	20051088	Nguyễn Yến Linh	08/31/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
766	20051089	Phan Thị Phương Linh	05/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
767	20051090	Phạm Thùy Linh	12/04/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
768	20051091	Ngô Hoàng Long	10/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
769	20051092	Ninh Hải Long	12/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
770	20051093	Bùi Hiếu Ly	10/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
771	20051094	Lưu Thị Ngọc Ly	05/24/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
772	20051095	Nguyễn Khánh Ly	01/06/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
773	20051096	Chu Phương Mai	07/07/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
774	20051097	Ngô Phương Mai	01/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
775	20051098	Phạm Thị Ngọc Mai	01/07/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
776	20051099	Lưu Đức Mạnh	12/10/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
777	20051100	Nguyễn Lê Hoàng Minh	10/26/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
778	20051102	Tạ Hà My	09/22/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
779	20051103	Đỗ Phương Nga	01/23/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
780	20051104	Đinh Thị Quỳnh Nga	11/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
781	20051105	Lê Quỳnh Nga	03/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
782	20051106	Nguyễn Thị Nga	03/31/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
783	20051107	Nguyễn Thị Thúy Nga	12/26/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
784	20051108	Nguyễn Thanh Nga	04/18/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
785	20051109	Ngô Thị Ngân	12/24/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
786	20051110	Phạm Thúy Ngân	07/03/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
787	20051111	Nguyễn Thị Ngoan	12/02/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

788	20051112	Cảnh Thị Hồng Ngọc	02/26/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
789	20051113	Lê Thị Minh Ngọc	08/09/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
790	20051114	Vũ Thị Bảo Ngọc	10/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
791	20051115	Dương Kỳ Thảo Nguyên	12/23/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
792	20051116	Phạm Thảo Nguyên	11/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
793	20051117	Nguyễn Thị Thanh Nhân	12/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
794	20051118	Mạc Yến Nhi	01/10/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
795	20051119	Nguyễn Tuyết Nhi	08/26/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
796	20051120	Vũ Hoàng Phương Nhi	11/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
797	20051121	Lê Thị Nhung	11/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
798	20051122	Nguyễn Thị Nhung	02/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
799	20051123	Nguyễn Thị Thùy Nhung	03/30/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
800	20051125	Lê Hoàng Phong	08/23/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
801	20051126	Nguyễn Thế Phong	10/14/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
802	20051127	Đỗ Văn Phúc	04/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
803	20051128	Nguyễn Chí Phúc	09/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
804	20051129	Nguyễn Hữu Phước	06/18/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
805	20051130	Chữ Hà Phương	08/23/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
806	20051131	Đỗ Nguyên Phương	02/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
807	20051132	Đặng Thu Phương	08/30/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
808	20051133	Nguyễn Anh Phương	11/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
809	20051134	Trần Thị Phương	06/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
810	20051135	Vũ Thu Phương	02/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
811	20051136	Nguyễn Đăng Quang	07/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
812	20051139	Đinh Thị Diễm Quỳnh	08/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
813	20051140	Lê Thúy Quỳnh	09/23/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
814	20051141	Mai Nguyễn Diệp Quỳnh	11/21/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
815	20051142	Nguyễn Ngọc Quỳnh	11/25/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
816	20051143	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	12/22/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
817	20051144	Phạm Thị Như Quỳnh	08/12/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
818	20051145	Phạm Thị Quỳnh	01/09/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
819	20051146	Phùng Thị Như Quỳnh	01/30/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
820	20051147	Nguyễn Thị Sơn	03/23/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
821	20051148	Đào Trần Việt Sơn	08/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
822	20051149	Lại Anh Sơn	07/08/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
823	20051150	Nguyễn Mạnh Sơn	11/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
824	20051151	Vũ Cao Sơn	10/08/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
825	20051152	Nguyễn Thị Mai Sương	07/01/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
826	20051153	Nguyễn Thị Thanh Tâm	02/28/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
827	20051154	Trần Thanh Tâm	06/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
828	20051155	Đào Duy Thành	10/02/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
829	20051157	Nguyễn Phương Thảo	01/21/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
830	20051158	Nguyễn Phương Thảo	06/04/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
831	20051159	Nguyễn Phương Thảo	10/05/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
832	20051160	Nguyễn Thị Phương Thảo	04/26/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
833	20051161	Trần Thanh Thảo	07/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,925,000	-
834	20051162	Nguyễn Thị Hồng Thắm	11/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
835	20051163	Nguyễn Đức Thắng	11/07/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
836	20051164	Nguyễn Xuân Thắng	10/22/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
837	20051165	Lê Thị Thu	09/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
838	20051166	Nguyễn Thị Thu	11/06/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
839	20051167	Trần Hà Thu	02/05/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
840	20051169	Nguyễn Thị Thu Thủy	06/30/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
841	20051170	Dương Thị Mai Thùy	05/09/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
842	20051171	Trần Thị Thanh Thùy	01/25/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
843	20051172	Ngô Anh Thư	12/23/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
844	20051173	Phạm Anh Thư	12/18/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-



845	20051174	Trương Mậu Thư	07/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
846	20051175	Đào Quyết Tiến	09/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
847	20051176	Bùi Hương Trà	10/29/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
848	20051177	Nguyễn Thị Hương Trà	06/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
849	20051178	Nguyễn Thị Thu Trà	11/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
850	20051179	Bùi Thị Huyền Trang	04/29/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
851	20051180	Đỗ Thùy Trang	08/13/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
852	20051181	Đào Thùy Trang	11/27/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
853	20051182	Đinh Thị Trang	10/03/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
854	20051183	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	06/24/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
855	20051184	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	10/21/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
856	20051185	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	12/14/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
857	20051186	Nguyễn Thùy Trang	12/17/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
858	20051187	Vũ Thị Quỳnh Trang	11/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
859	20051188	Hoàng Thanh Trúc	07/30/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
860	20051189	Nguyễn Thanh Trúc	08/06/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
861	20051190	Phạm Anh Tú	08/02/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
862	20051191	Vũ Thị Cẩm Tú	05/10/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
863	20051192	Lê Bá Tuấn	06/05/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
864	20051193	Lê Thanh Tùng	05/16/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
865	20051194	Nguyễn Duy Tùng	12/12/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
866	20051195	Nguyễn Đức Tùng	11/05/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
867	20051196	Đinh Thị Tuyết	07/31/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
868	20051197	Nguyễn Thị Tô Uyên	08/21/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
869	20051199	Đỗ Khánh Vân	10/02/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
870	20051200	Nguyễn Lê Yến Vi	09/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
871	20051201	Phạm Đức Việt	10/03/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
872	20051202	Ngô Thị Thanh Xuân	10/22/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
873	20051203	Trương Thị Thanh Xuân	02/11/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	-
874	20051204	Vũ Thị Bảo Yên	04/14/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
<b>Khoa KTPT</b>				<i>161 sinh viên</i>				
875	20050141	Nguyễn Thị Ngân	03/11/2001	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	-
876	20051207	Đặng Châu Anh	12/04/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
877	20051209	Hoàng Diệu Anh	04/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
878	20051210	Lê Thuý Anh	08/10/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
879	20051211	Nguyễn Quỳnh Anh	01/16/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
880	20051212	Nguyễn Thảo Anh	10/23/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
881	20051213	Nguyễn Thu Anh	09/30/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
882	20051214	Nguyễn Trúc Mai Anh	01/23/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
883	20051215	Nguyễn Tường Anh	12/02/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
884	20051216	Phạm Minh Anh	09/14/2001	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
885	20051217	Phạm Trung Anh	08/18/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
886	20051218	Phùng Thị Kim Anh	01/18/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
887	20051219	Trần Thị Phương Anh	12/31/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
888	20051220	Trần Thị Quỳnh Anh	01/16/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
889	20051221	Trần Văn Anh	06/19/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
890	20051222	Trần Vũ Quỳnh Anh	05/04/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
891	20051223	Vi Minh Anh	08/27/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
892	20051224	Vũ Ngọc Anh	03/28/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
893	20051225	Lê Việt Bách	07/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	-
894	20051226	Mai Đình Bình	01/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
895	20051228	Ngô Lan Chi	09/30/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
896	20051230	Tạ Minh Chi	08/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
897	20051232	Hà Thị Kiều Diễm	02/14/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
898	20051234	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	07/08/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
899	20051235	Nguyễn Quốc Dũng	11/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
900	20051236	Nguyễn Tuấn Dũng	09/12/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-

901	20051237	Tổng Văn Dũng	01/04/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
902	20051238	Đỗ Lê Duy	12/04/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
903	20051239	Đặng Thái Duy	07/04/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
904	20051241	Hoàng Thị Duyên	10/17/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
905	20051242	Lương Bình Dương	11/08/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
906	20051243	Vũ Thị Bích Dương	11/11/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
907	20051244	Cao Danh Tiến Đạt	02/20/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
908	20051246	Nguyễn Thành Đạt	02/26/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
909	20051247	Nguyễn Thị Minh Đức	09/30/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
910	20051248	Đỗ Hương Giang	08/20/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
911	20051249	Lê Thị Hương Giang	12/18/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
912	20051250	Ngô Hoàng Giang	04/20/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
913	20051251	Nguyễn Thị Hương Giang	07/15/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
914	20051252	Nguyễn Thị Thu Giang	09/11/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
915	20051253	Đỗ Thị Thu Hà	08/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
916	20051254	Lê Thu Hà	12/22/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
917	20051255	Ngô Ngọc Hà	08/14/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
918	20051256	Nguyễn Thị Hoàng Hà	09/13/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
919	20051257	Nguyễn Thu Hà	11/02/2001	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
920	20051258	Trần Thu Hà	03/15/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
921	20051259	Lê Hồng Hạnh	06/27/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
922	20051260	Nghiêm Thị Hồng Hạnh	03/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
923	20051261	Phan Thị Hạnh	02/07/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
924	20051263	Bùi Thị Hào	06/18/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
925	20051264	Nguyễn Thị Hào	08/02/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
926	20051265	Phí Thị Hào	12/12/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
927	20051266	Nguyễn Thị Thủy Hằng	08/17/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
928	20051267	Lê Thu Hiền	09/11/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
929	20051268	Hoàng Xuân Hiếu	05/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
930	20051269	Nguyễn Trung Hiếu	03/11/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
931	20051270	Đỗ Thị Thu Hoài	05/02/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
932	20051271	Nguyễn Thị Hoài	11/04/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
933	20051272	Trần Thế Hoàng	10/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
934	20051273	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	02/03/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
935	20051274	Phạm Thị Hồng Huệ	07/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
936	20051275	Phạm Quang Huy	04/22/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
937	20051276	Bùi Thị Khánh Huyền	11/04/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
938	20051277	Bùi Thị Thu Huyền	08/30/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
939	20051278	Lại Thị Huyền	08/07/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
940	20051280	Nguyễn Thị Huyền	04/19/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
941	20051281	Nguyễn Thị Thanh Huyền	01/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
942	20051282	Nguyễn Thị Mai Hương	08/17/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
943	20051283	Nguyễn Thị Sông Hương	10/14/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
944	20051284	Phạm Mai Hương	01/24/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
945	20051285	Phạm Thiên Hương	05/24/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
946	20051286	Nguyễn Thị Thủy Hương	05/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
947	20051287	Ngô Trung Kiên	10/07/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	-
948	20051288	Đinh Thanh Lam	10/21/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
949	20051289	Nguyễn Trọng Lâm	01/19/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
950	20051290	Nguyễn Tùng Lâm	01/16/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
951	20051292	Mai Thị Khánh Linh	11/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
952	20051293	Nguyễn Diệu Linh	09/27/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
953	20051294	Nguyễn Phương Linh	11/17/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
954	20051296	Nguyễn Thị Mỹ Linh	01/21/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
955	20051297	Nguyễn Thủy Linh	06/17/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
956	20051299	Phạm Thị Mỹ Linh	11/16/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
957	20051300	Vũ Hạnh Linh	12/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-

958	20051301	Vũ Thị Thuý Linh	02/26/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
959	20051303	Khổng Phương Mai	08/24/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
960	20051304	Đỗ Kiều Minh	05/26/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
961	20051305	Phạm Nhật Minh	06/29/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
962	20051306	Trần Hà My	11/14/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
963	20051307	Trần Thị Trà My	02/26/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
964	20051308	Nguyễn Đức Nam	03/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
965	20051309	Nguyễn Hải Nam	10/02/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
966	20051310	Nguyễn Phương Nam	10/17/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
967	20051311	Nông Trung Nam	10/22/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
968	20051312	Dương Quỳnh Nga	10/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
969	20051313	Đỗ Thanh Nga	11/10/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
970	20051314	Lê Thị Phương Nga	02/18/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
971	20051315	Hà Thị Khánh Ngân	12/18/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
972	20051316	Nguyễn Thị Phương Ngân	09/11/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
973	20051317	Nguyễn Trịnh Kiều Ngân	08/12/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
974	20051318	Phạm Thanh Ngân	05/30/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
975	20051321	Lê Hồng Ngọc	07/03/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
976	20051322	Nguyễn Hồng Ngọc	12/22/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
977	20051323	Nguyễn Lê Văn Ngọc	11/14/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
978	20051324	Thân Thị Hoài Ngọc	07/03/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
979	20051325	Trần Thị Minh Ngọc	02/20/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
980	20051326	Vũ Như Ngọc	11/05/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
981	20051327	Võ Bùi Khôi Nguyên	11/29/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
982	20051328	Nguyễn Diệp Nhi	06/02/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
983	20051330	Phạm Thị Nhung	11/08/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
984	20051331	Đỗ Thị Quỳnh Như	02/27/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
985	20051334	Nguyễn Mai Phương	12/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
986	20051335	Nguyễn Thùy Phương	12/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
987	20051336	Phạm Thu Phương	02/20/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
988	20051339	Hồ Đức Quang	10/12/2001	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
989	20051340	Nguyễn Hữu Quang	01/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
990	20051342	Phạm Anh Quân	10/16/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
991	20051343	Trịnh Minh Quân	09/10/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
992	20051344	Lưu Thị Quỳnh	01/23/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
993	20051345	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh	10/06/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
994	20051346	Nguyễn Thúy Quỳnh	12/10/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
995	20051348	Vũ Thị Quỳnh	01/19/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
996	20051349	Nguyễn Quang Thành	07/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
997	20051350	Lê Phương Thảo	01/12/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
998	20051351	Lê Thị Nhật Thảo	03/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
999	20051352	Nghiêm Thu Thảo	04/27/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1000	20051353	Nguyễn Phương Thảo	07/25/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1001	20051354	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/17/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1002	20051355	Nguyễn Thanh Thảo	09/30/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1003	20051356	Phùng Thị Nguyên Thảo	05/07/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1004	20051357	Tạ Thị Thảo	06/15/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1005	20051358	Trần Kiều Phương Thảo	12/05/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1006	20051359	Trần Phương Thảo	08/16/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1007	20051360	Xa Thị Diệu Thảo	07/24/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1008	20051361	Lê Hữu Thắng	09/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1009	20051362	Lê Văn Thắng	01/07/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1010	20051363	Nguyễn Xuân Thịnh	09/21/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1011	20051364	Dương Hoài Thu	11/16/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1012	20051365	Trịnh Minh Thuận	11/20/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1013	20051366	Nguyễn Thanh Thủy	11/20/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1014	20051367	Nguyễn Thu Thủy	11/15/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	

1015	20051368	Mai Diễm Ngọc Thúy	08/19/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1016	20051369	Đặng Minh Thư	11/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1017	20051370	Phạm Thị Thương	09/11/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	-	
1018	20051371	Hoàng Văn Trà	10/11/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1019	20051372	Hà Phương Trang	05/23/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1020	20051373	Khúc Thị Hà Trang	10/12/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1021	20051374	Nguyễn Thị Thùy Trang	08/15/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1022	20051375	Nguyễn Thu Trang	04/17/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1023	20051376	Đỗ Thị Ngọc Trâm	02/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1024	20051377	Đặng Thị Ngọc Trâm	09/14/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1025	20051378	Đoàn Xuân Trúc	11/12/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1026	20051380	Trần Thị Thanh Trúc	07/27/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1027	20051384	Cao Việt Tùng	05/11/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1028	20051385	Nguyễn Minh Tùng	07/08/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1029	20051386	Nguyễn Việt Tùng	03/16/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1030	20051387	Vũ Hà Uyên	03/24/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1031	20051389	Trần Thị Kiều Vân	11/08/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1032	20051390	Trần Tuấn Việt	09/15/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1033	20051393	Lê Thị Hải Yến	10/27/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1034	20051394	Ma Thị Hải Yến	03/09/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1035	20051395	Nguyễn Thị Hải Yến	08/19/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
<b>Khoa KTQT</b>			<i>843 sinh viên</i>					
1036	16050780	Trần Thị Hà My	04/07/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	1,125,000	1,125,000	-	
1037	16050815	Lê Hoa Thiên Thảo	11/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	16,705,000	16,705,000	-	
1038	16050835	Lương Thị Thanh Tú	06/04/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	8,995,000	8,995,000	-	
1039	16052365	Nguyễn Thị Thanh Phương	03/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	5,130,000	5,130,000	-	
1040	16052375	Nguyễn Thị Thu Uyên	02/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	3,855,000	3,855,000	-	
1041	17050543	Nguyễn Thị Diễm Anh	01/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1042	17050545	Đinh Thị Hoàng Anh	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1043	17050546	Nguyễn Thị Kim Anh	06/23/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1044	17050547	Hà Thị Lan Anh	01/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1045	17050548	Đặng Minh Anh	10/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1046	17050549	Nguyễn Minh Anh	12/02/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1047	17050552	Phạm Quỳnh Anh	12/10/1997	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1048	17050553	Phạm Quỳnh Anh	03/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1049	17050554	Bùi Thị Anh	09/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1050	17050555	Hoàng Thu Anh	02/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
1051	17050557	Trần Tùng Anh	01/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,640,000	19,640,000	-	
1052	17050558	Lê Thị Vân Anh	07/03/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1053	17050560	Nguyễn Thị Minh Ánh	04/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1054	17050561	Đỗ Thị Ngọc Ánh	03/20/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1055	17050562	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	08/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1056	17050563	Vũ Thị Ánh	02/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1057	17050564	Nguyễn Xuân Bách	02/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	24,985,000	24,985,000	-	
1058	17050565	Vũ Ngọc Bảo	06/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1059	17050566	Nguyễn Minh Châu	04/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1060	17050568	Nguyễn Ngọc Linh Chi	12/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1061	17050569	Trần Bích Diệp	06/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1062	17050570	Phạm Thị Ngọc Diệp	02/23/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1063	17050571	Vũ Thúy Dung	07/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	22,640,000	22,640,000	-	
1064	17050575	Phạm Anh Đức	07/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1065	17050577	Lê Vương Hà	06/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1066	17050578	Trịnh Thái Hà	08/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1067	17050581	Trần Lam Hải	09/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1068	17050582	Lê Thị Hồng Hạnh	11/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1069	17050584	Vũ Thị Thu Hằng	08/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1070	17050585	Vương Thu Hằng	03/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1071	17050586	Lê Thị Thanh Hiền	01/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1072	17050587	Đông Thị Hiền	01/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1073	17050589	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1074	17050590	Trần Mỹ Hoa	06/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1075	17050591	Vũ Thị Thu Hòa	12/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1076	17050593	Nguyễn Lê Huy Hoàng	11/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1077	17050596	Bùi Mạnh Hùng	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1078	17050597	Nguyễn Quang Huy	11/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1079	17050598	Phạm Quang Huy	03/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1080	17050599	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1081	17050600	Chu Thị Huyền	10/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1082	17050602	Trần Mậu Hưng	06/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1083	17050605	Lê Thu Hương	09/30/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1084	17050607	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/25/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1085	17050609	Phùng Thị Lệ	11/08/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1086	17050612	Nguyễn Lương Khánh Linh	09/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
1087	17050613	Ngô Phương Linh	09/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1088	17050614	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1089	17050615	Trần Thủy Linh	10/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1090	17050617	Nguyễn Thị Hải Lý	09/21/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1091	17050618	Dương Huyền Mai	02/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1092	17050621	Nguyễn Ngọc Hà My	12/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	-
1093	17050623	Đặng Xuân Nam	08/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	20,125,000	20,125,000	-
1094	17050624	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	03/31/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1095	17050625	Lê Hoàng Ngân	05/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1096	17050626	Đặng Thị Ngân	08/20/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1097	17050627	Vũ Đức Nghĩa	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	22,905,000	22,905,000	-
1098	17050629	Đỗ Minh Ngọc	09/12/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1099	17050631	Bùi Thị Ngọc	04/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1100	17050632	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	02/06/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1101	17050633	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1102	17050634	Hoàng Đức Ninh	12/03/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1103	17050636	Nguyễn Công Diệu Phương	01/21/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1104	17050637	Vũ Thu Phương	11/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1105	17050638	Cao Thị Quế	08/12/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1106	17050639	Đào Diễm Quỳnh	07/07/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1107	17050640	Vũ Ngọc Quỳnh	04/26/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
1108	17050642	Nguyễn Thị Tâm	07/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1109	17050645	Nguyễn Phương Thảo	11/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1110	17050647	Nguyễn Thị Thu Trà	09/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1111	17050651	Nguyễn Thị Trang	11/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1112	17050653	Đinh Hoàng Trung	06/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	32,275,000	32,275,000	-
1113	17050655	Nguyễn Thị Ngọc Tú	11/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1114	17050658	Vũ Hồng Tươi	12/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1115	17050659	Bùi Cẩm Vân	01/18/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1116	18050377	Bùi Văn Anh	11/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1117	18050379	Đỗ Phương Anh	10/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1118	18050380	Đỗ Tuấn Anh	10/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1119	18050381	Hồ Thiên Anh	11/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1120	18050385	Lê Vũ Thị Vân Anh	05/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1121	18050388	Nguyễn Quỳnh Anh	03/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1122	18050389	Nguyễn Thế Anh	01/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1123	18050390	Nguyễn Thị Lâm Anh	01/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1124	18050391	Nguyễn Thị Ngọc Anh	10/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1125	18050392	Nguyễn Trần Huệ Anh	06/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1126	18050393	Phạm Hoàng Anh	02/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	19,640,000	19,640,000	-
1127	18050394	Phạm Phương Anh	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

1128	18050395	Tạ Thị Vân Anh	11/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1129	18050396	Thân Thị Vân Anh	04/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1130	18050397	Trần Đăng Kiều Anh	11/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1131	18050398	Trần Hồng Anh	11/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1132	18050399	Trần Ngọc Anh	12/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1133	18050400	Trần Thị Kim Anh	01/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
1134	18050401	Vũ Hải Anh	10/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1135	18050402	Vũ Thị Lan Anh	09/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1136	18050404	Lê Ngọc Ánh	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1137	18050405	Ngô Nhật Ánh	12/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1138	18050406	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
1139	18050407	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1140	18050408	Trần Thị Ngọc Ánh	11/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1141	18050409	Trịnh Thị Ngọc Ánh	04/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1142	18050410	Vũ Thị Bắc	09/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1143	18050411	Nguyễn Thanh Bình	07/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1144	18050412	Trần Quốc Bình	12/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1145	18050413	Vũ Thị Quỳnh Châm	03/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1146	18050414	Nguyễn Minh Châu	12/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1147	18050416	Trương Thị Khánh Chi	10/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	-
1148	18050417	Nguyễn Hữu Chuyên	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1149	18050419	Nguyễn Nam Đan	10/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1150	18050420	Phạm Anh Đào	01/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1151	18050422	Trần Hoàng Đạt	09/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1152	18050423	Bùi Thị Diệu	03/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1153	18050426	Nghiêm Phan Đức	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1154	18050427	Vũ Công Đức	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1155	18050428	Lê Thùy Dung	09/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	21,355,000	17,500,000	-
1156	18050429	Đỗ Quang Dũng	04/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	21,190,000	21,190,000	-
1157	18050430	Lê Huy Dũng	05/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1158	18050431	Nguyễn Anh Dũng	05/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1159	18050433	Nguyễn Minh Hoàng Dũng	02/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1160	18050434	Thái Minh Dũng	09/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
1161	18050435	Đoàn Bình Dương	02/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1162	18050436	Ngô Thùy Dương	05/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1163	18050437	Nguyễn Thùy Dương	09/30/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1164	18050438	Trần Hoàng Thái Dương	05/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1165	18050440	Nguyễn Thị Hương Giang	10/30/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1166	18050442	Nguyễn Thị Ngọc Hà	01/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1167	18050443	Nguyễn Thị Thu Hà	12/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1168	18050444	Trần Thị Thu Hà	10/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1169	18050445	Đỗ Ngọc Hân	12/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1170	18050446	Bùi Thị Hằng	03/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1171	18050447	Phạm Thị Thu Hằng	07/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	-
1172	18050448	Trịnh Minh Hằng	02/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1173	18050449	Trương Thị Hằng	05/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1174	18050451	Lâm Thị Thúy Hạnh	08/31/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1175	18050452	Lê Thị Hạnh	06/23/1998	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-
1176	18050455	Nguyễn Thanh Hậu	05/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1177	18050456	Trần Thu Hiền	02/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1178	18050457	Đinh Lê Công Hiếu	02/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1179	18050459	Lê Trung Hiếu	07/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1180	18050460	Đặng Huy Hiệu	09/09/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1181	18050461	Nguyễn Khánh Hòa	08/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1182	18050464	Hoàng Mai Hồng	05/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
1183	18050465	Nguyễn Ánh Hồng	09/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1184	18050466	Phan Thu Huệ	07/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

1185	18050467	Đỗ Duy Hùng	09/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1186	18050468	Đỗ Văn Hùng	09/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	-
1187	18050469	Nguyễn Cao Việt Hưng	05/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1188	18050470	Nguy Thị Hương	04/14/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1189	18050472	Nguyễn Thị Hương	06/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1190	18050473	Phạm Thị Hương	02/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1191	18050475	Trần Hoài Hương	07/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1192	18050477	Nguyễn Thị Thu Hương	11/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1193	18050478	Mai Hoàng Huy	02/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1194	18050479	Nguyễn Quốc Huy	07/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1195	18050480	Trương Cảnh Huy	08/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1196	18050481	Lê Thị Thu Huyền	02/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1197	18050482	Lưu Thị Huyền	01/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1198	18050483	Phạm Thị Thanh Huyền	09/05/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1199	18050484	Trần Thị Huyền	05/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1200	18050485	Nguyễn Thụy Khanh	08/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1201	18050486	Lê Từ Quốc Khánh	09/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1202	18050487	Nguyễn Quốc Khánh	09/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1203	18050488	Trần Đình Khiêm	07/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	-
1204	18050489	Trương Trần Minh Khôi	03/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1205	18050491	Vũ Phạm Đại Lâm	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1206	18050492	Vũ Trần Phương Lan	09/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1207	18050493	Vương Vũ Ngọc Liên	10/29/2001	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1208	18050494	Dương Thùy Linh	07/09/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1209	18050495	Hoàng Vũ Linh	06/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1210	18050496	Lê Khánh Linh	05/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1211	18050497	Nguyễn Bảo Linh	12/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1212	18050498	Nguyễn Khánh Linh	11/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1213	18050500	Nguyễn Thị Thùy Linh	08/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1214	18050501	Phạm Thị Mai Linh	10/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1215	18050502	Phạm Thị Thùy Linh	11/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1216	18050503	Tô Khánh Linh	11/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1217	18050504	Trần Diệu Linh	04/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1218	18050507	Trần Thùy Linh	03/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1219	18050508	Trịnh Vũ Vi Linh	10/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1220	18050509	Vũ Thùy Linh	11/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1221	18050510	Dương Thị Thanh Loan	03/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	-
1222	18050511	Đỗ Minh Long	11/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1223	18050512	Doãn Bảo Long	04/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1224	18050513	Nguyễn Hoàng Long	12/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1225	18050514	Nguyễn Minh Long	07/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1226	18050515	Nguyễn Thảo Ly	02/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1227	18050516	Nguyễn Thị Phương Ly	08/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1228	18050517	Phạm Thị Khánh Ly	02/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1229	18050518	Trần Hương Ly	06/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1230	18050522	Trần Đức Mạnh	11/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1231	18050523	Trần Đức Mạnh	08/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1232	18050524	Nguyễn Thế Minh	12/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1233	18050525	Trần Hoàng Minh	09/05/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1234	18050526	Vũ Thị Nhật Minh	08/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1235	18050527	Bùi Trà My	07/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1236	18050529	Trần Thị Ngọc Mỹ	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1237	18050531	Nguyễn Hằng Nga	10/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1238	18050532	Nguyễn Thị Ngà	01/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1239	18050534	Lê Tuấn Ngọc	08/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1240	18050536	Nguyễn Thủy Ngọc	09/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1241	18050537	Lê Bảo Nguyên	06/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-

1242	18050538	Ngô Anh Nguyên	12/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1243	18050539	Hoàng Thị Nguyệt	08/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1244	18050542	Cung Trang Nhung	02/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1245	18050543	Lưu Thị Hồng Nhung	07/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1246	18050544	Nguyễn Phạm Hồng Nhung	01/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1247	18050546	Vũ Thị Hồng Nhung	12/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1248	18050547	Bùi Phạm Tiến Phong	04/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1249	18050549	Đặng Mai Phương	12/14/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	20,125,000	20,125,000	-	-
1250	18050550	Nguyễn Đỗ Thu Phương	08/05/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1251	18050551	Nguyễn Lan Phương	12/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1252	18050552	Nguyễn Minh Phương	11/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1253	18050554	Nguyễn Nhật Phương	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1254	18050556	Nguyễn Thị Phương	11/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1255	18050557	Phạm Lê Hà Phương	05/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1256	18050560	Nguyễn Đức Quang	03/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1257	18050561	Nguyễn Thiện Quang	06/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1258	18050562	Nguyễn Thị Lệ Quyên	07/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1259	18050563	Dương Ngọc Quỳnh	10/24/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1260	18050564	Nguyễn Hải Quỳnh	05/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	21,780,000	21,780,000	-	-
1261	18050565	Vũ Thị Quỳnh	06/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1262	18050566	Trịnh Anh Sơn	11/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1263	18050567	Lê Khánh Tâm	11/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1264	18050568	Thang Thị Tâm	07/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1265	18050569	Phạm Ngọc Tân	11/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1266	18050570	Nguyễn Quốc Thắng	07/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1267	18050572	Bùi Phương Thảo	06/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1268	18050573	Bùi Thanh Thảo	12/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1269	18050574	Đỗ Phương Thảo	05/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1270	18050575	Hoàng Phương Thảo	12/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1271	18050577	Lê Minh Thảo	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1272	18050578	Lê Phương Thảo	04/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1273	18050579	Lê Thị Thảo	07/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1274	18050580	Nguyễn Phương Thảo	03/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1275	18050581	Nguyễn Thị Phương Thảo	11/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1276	18050582	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1277	18050583	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1278	18050584	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1279	18050585	Phạm Thương Thảo	08/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-	-
1280	18050586	Trần Phương Thảo	07/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1281	18050587	Trần Thị Thu Thảo	08/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1282	18050588	Vũ Phương Thảo	12/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1283	18050589	Vũ Thị Phương Thảo	07/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1284	18050590	Vũ Quốc Thịnh	09/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1285	18050591	Nguyễn Minh Thu	12/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1286	18050592	Phạm Thị Thu	03/08/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1287	18050593	Lê Thị Thủy	04/15/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1288	18050594	Hoàng Thị Thu Thủy	10/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1289	18050595	Lưu Thị Thu Thủy	03/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1290	18050596	Nguyễn Thị Thu Thủy	08/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1291	18050597	Nguyễn Ngọc Thùy Tiên	01/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1292	18050598	Trần Thủy Tiên	03/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1293	18050599	Lữ Huyền Trâm	09/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1294	18050601	Trương Thị Trâm	02/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1295	18050602	Đỗ Thị Trang	05/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1296	18050603	Lê Huyền Trang	11/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1297	18050605	Nguyễn Phương Trang	08/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
1298	18050606	Nguyễn Quỳnh Trang	06/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-



1299	18050607	Nguyễn Thị Huyền Trang	07/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1300	18050609	Nguyễn Thiên Hạnh Trang	06/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1301	18050611	Nguyễn Thu Trang	03/04/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1302	18050612	Phạm Huyền Trang	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1303	18050613	Phạm Thị Huyền Trang	12/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1304	18050614	Phạm Thu Trang	12/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1305	18050616	Nguyễn Công Tú	05/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1306	18050619	Phan Hoàng Tùng	04/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1307	18050620	Vương Thị Kim Tuyền	01/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1308	18050621	Nguyễn Thị Tuyết	01/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1309	18050623	Đỗ Thị Thuý Vân	01/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1310	18050627	Hoàng Hà Vi	04/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1311	18050628	Trương Diễm Trang Vi	07/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1312	18050629	Vi Hải Việt	10/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
1313	18050633	Chu Thị Thu Xanh	06/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1314	18050635	Nguyễn Thị Hải Yến	08/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1315	18050636	Nguyễn Thị Hải Yến	06/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1316	18050637	Phan Hải Yến	04/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1317	18050638	Phùng Thị Tháo Yến	11/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1318	18050639	Vũ Hải Yến	08/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1319	19051008	Hà Duy An	11/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1320	19051010	Đào Thị Mỹ Anh	04/02/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1321	19051011	Dương Thị Ngọc Anh	03/19/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1322	19051013	Lâm Kim Anh	03/15/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1323	19051014	Lê Thị Mai Anh	08/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1324	19051015	Nguyễn Minh Anh	08/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1325	19051016	Nguyễn Ngọc Hà Anh	12/31/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1326	19051017	Nguyễn Quỳnh Anh	12/22/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
1327	19051018	Nguyễn Thị Ngọc Anh	01/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1328	19051019	Nguyễn Thị Vân Anh	08/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1329	19051021	Phạm Việt Anh	11/23/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1330	19051022	Trần Phương Anh	10/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1331	19051023	Trương Quỳnh Diệp Anh	08/18/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1332	19051024	Vũ Thị Ngọc Anh	11/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1333	19051025	Đỗ Thị Ngọc Ánh	10/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
1334	19051026	Hà Thị Ngọc Ánh	03/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1335	19051027	Lê Thị Hồng Ánh	05/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1336	19051028	Nguyễn Thị Hoàng Ánh	04/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1337	19051029	Nguyễn Thị Linh Ánh	11/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1338	19051030	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	08/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1339	19051031	Phạm Xuân Ánh	10/26/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	21,355,000	17,500,000	-
1340	19051032	Nguyễn Thái Bình	03/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1341	19051033	Sầm Phạm An Bình	01/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1342	19051034	Trương Quý Thanh Bình	11/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1343	19051035	Nguyễn Minh Châu	07/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
1344	19051037	Bùi Thị Phương Chi	09/06/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1345	19051038	Lưu Thị Hà Chi	10/26/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1346	19051041	Vũ Hà Chi	01/11/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1347	19051042	Hà Thị Luân Chinh	03/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1348	19051043	Hồ Thành Công	12/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1349	19051044	Tạ Thị Cúc	03/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1350	19051045	Nguyễn Văn Đan	01/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
1351	19051046	Đặng Duy Đạt	08/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
1352	19051047	Lê Thành Đạt	04/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1353	19051048	Trần Huy Đạt	01/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1354	19051049	Vũ Thị Tuyết Đình	12/06/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1355	19051050	Nguyễn Thị Dung	08/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

1356	19051051	Hoàng Quốc Dũng	10/17/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1357	19051052	Đào Thị Hoài Dương	04/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1358	19051053	Đỗ Thị Thùy Dương	06/19/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1359	19051055	Phan Thành Duy	10/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1360	19051056	Trần Anh Duy	10/04/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1361	19051057	Hoàng Thị Giang	12/15/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1362	19051058	Ngô Thị Hương Giang	07/03/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1363	19051059	Nguyễn Thị Hương Giang	07/06/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1364	19051060	Nguyễn Trường Giang	12/13/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1365	19051061	Vũ Hương Giang	05/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1366	19051062	Đông Thị Thu Hà	02/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1367	19051063	Nghiêm Thị Thanh Hà	05/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1368	19051064	Nguyễn Đức Hà	06/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1369	19051066	Nguyễn Ngọc Hà	12/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1370	19051068	Nguyễn Thu Hà	10/31/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1371	19051069	Phạm Hoàng Hà	11/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1372	19051070	Lê Thanh Hải	04/11/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1373	19051071	Phạm Hồng Hải	10/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1374	19051073	Văn Thế Hải	09/09/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1375	19051074	Nguyễn Thị Minh Hằng	07/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1376	19051075	Phạm Thị Thúy Hằng	08/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1377	19051076	Vũ Thu Hằng	12/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1378	19051077	Phạm Thị Minh Hiền	12/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1379	19051078	Nguyễn Huy Hiếu	09/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1380	19051079	Phạm Huy Hiếu	12/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1381	19051080	Nguyễn Thị Hoa	01/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1382	19051081	Phạm Thị Hòa	09/03/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1383	19051082	Trịnh Thị Khánh Hòa	03/15/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1384	19051083	Đỗ Việt Hoàn	07/18/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1385	19051084	Bùi Minh Hoàng	06/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1386	19051085	Mai Huy Hoàng	07/03/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1387	19051086	Nguyễn Đăng Hoàng	05/22/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1388	19051087	Trần Đức Hoàng	09/02/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1389	19051088	Nguyễn Thị Hoạt	10/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1390	19051089	Tổng Thị Hồng	01/22/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1391	19051090	Nguyễn Quang Hợp	08/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1392	19051091	Nguyễn Thị Thương Huệ	10/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1393	19051092	Mai Thị Huệ	06/18/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1394	19051093	Bùi Quỳnh Hương	02/12/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1395	19051095	Đỗ Mai Hương	02/18/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1396	19051096	Hoàng Thị Hoài Hương	12/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1397	19051097	Tào Thị Mai Hương	06/24/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1398	19051098	Vũ Hoài Hương	08/06/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1399	19051099	Đặng Hải Huy	12/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1400	19051100	Nguyễn Phúc Đức Huy	04/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1401	19051101	Phạm Gia Huy	05/12/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1402	19051102	Phạm Mạnh Huy	02/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1403	19051103	Phan Kế Huy	04/18/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1404	19051105	Chu Thị Huyền	09/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1405	19051106	Đặng Thị Thanh Huyền	08/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1406	19051107	Đỗ Thị Thanh Huyền	03/31/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1407	19051108	Phạm Thị Huyền	02/02/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1408	19051109	Vũ Thị Huyền	01/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1409	19051110	Đỗ Đăng Khải	11/18/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1410	19051111	Nguyễn Minh Khánh	03/03/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1411	19051112	Nguyễn Văn Khánh	12/15/2000	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1412	19051114	Bùi Trí Kiên	10/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1413	19051116	Ngô Thị Quỳnh Lâm	04/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1414	19051117	Vũ Huy Lâm	04/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1415	19051118	Đinh Thị Lành	10/19/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1416	19051119	Trần Thị Liên	04/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1417	19051120	Đặng Khánh Linh	08/13/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1418	19051121	Đào Khánh Linh	12/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1419	19051122	Đào Phương Linh	06/26/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1420	19051123	Đỗ Thị Diệu Linh	03/17/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1421	19051124	Đoàn Khánh Linh	10/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1422	19051125	Đồng Thị Thùy Linh	01/17/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1423	19051128	Lê Lâm Hồng Linh	01/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1424	19051129	Lê Thị Phương Linh	09/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1425	19051130	Lương Thùy Linh	12/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1426	19051131	Nguyễn Hà Linh	07/31/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1427	19051132	Phạm Thị Mai Linh	03/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1428	19051133	Phan Hải Linh	11/04/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1429	19051134	Trần Thuý Linh	01/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1430	19051135	Trần Thùy Linh	07/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1431	19051136	Vũ Khánh Linh	12/17/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1432	19051137	Vũ Mai Linh	07/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1433	19051138	Vương Hoàng Lộc	07/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1434	19051139	Chu Thành Long	11/17/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1435	19051140	Lê Đức Long	11/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1436	19051142	Nguyễn Cẩm Ly	01/31/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1437	19051143	Nguyễn Khánh Ly	12/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1438	19051144	Phạm Thị Tân Lý	10/12/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
1439	19051145	Lê Thị Ngọc Mai	07/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1440	19051146	Mai Thị Thanh Mai	04/03/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1441	19051147	Nguyễn Cao Hạnh Mai	04/30/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1442	19051148	Nguyễn Hồng Mai	08/31/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1443	19051151	Nguyễn Thị Ngọc Mai	12/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1444	19051152	Phạm Thị Hồng Mây	11/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1445	19051153	Trần Lê Bảo Mi	08/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1446	19051154	Đào Ngọc Minh	10/26/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1447	19051155	Đinh Lê Ngọc Minh	08/15/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1448	19051158	Nguyễn Đức Minh	06/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1449	19051159	Nguyễn Thị Hương Mơ	08/06/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1450	19051160	Nguyễn Hà My	12/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1451	19051161	Trần Hà My	06/30/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1452	19051162	Đặng Hoài Nam	05/15/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1453	19051163	Phạm Vũ Hoàng Nam	03/13/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1454	19051164	Chu Thị Nga	06/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1455	19051165	Đoàn Thị Nga	05/26/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1456	19051166	Ngô Thị Hằng Nga	06/17/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-
1457	19051167	Hoàng Hiếu Ngân	10/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1458	19051169	Đào Hồng Ngọc	09/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1459	19051170	Doãn Bảo Ngọc	09/04/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1460	19051171	Ngô Thị Bích Ngọc	12/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1461	19051172	Phạm Quang Ngọc	12/06/2000	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1462	19051173	Hoàng Đức Nguyên	01/05/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
1463	19051175	Đào Minh Nguyệt	09/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1464	19051177	Tô Thị Ánh Nguyệt	11/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1465	19051178	Nguyễn Băng Nhi	02/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1466	19051179	Nhữ Vũ Uyển Nhi	10/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1467	19051180	Bùi Thị Thủy Như	04/18/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1468	19051183	Lê Hồng Nhung	03/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1469	19051184	Nguyễn Thị Thanh Nhung	06/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

1470	19051185	Nguyễn Thị Thùy Nhung	05/05/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1471	19051186	Nguyễn Thị Oanh	02/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1472	19051187	Nguyễn Trọng Phúc	08/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1473	19051188	Đoàn Thị Liên Phương	02/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1474	19051189	Giang Hoài Phương	12/09/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1475	19051191	Nguyễn Thị Hoài Phương	12/02/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1476	19051192	Nguyễn Thị Thu Phương	07/02/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1477	19051193	Phạm Phan Hà Phương	06/04/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1478	19051195	Lê Ngọc Phương	10/22/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1479	19051196	Vũ Thị Kim Phương	05/17/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1480	19051199	Lê Hoàng Sơn	08/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1481	19051200	Lê Thị Suong	06/30/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1482	19051202	Nguyễn Khắc Tâm	12/12/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1483	19051203	Nguyễn Thị Tâm	06/11/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1484	19051204	Nguyễn Thị Thanh Tâm	06/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1485	19051205	Lưu Thị Hoàng Thanh	06/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1486	19051206	Nguyễn Hoàng Thanh Thanh	03/03/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1487	19051207	Phạm Thị Thanh	09/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1488	19051208	Vũ Hà Thanh	04/22/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1489	19051209	Hoàng Phương Thảo	09/17/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1490	19051210	Lê Phương Thảo	12/09/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1491	19051211	Lê Thanh Thảo	07/04/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1492	19051213	Phan Thị Thu Thảo	05/05/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1493	19051214	Phùng Thị Thanh Thảo	10/24/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1494	19051215	Trần Nguyễn Phương Thảo	02/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1495	19051216	Trần Thị Thảo	10/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1496	19051217	Nguyễn Thị Toan	01/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1497	19051218	Nguyễn Thị Thu	05/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1498	19051219	Nguyễn Thị Thu	01/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
1499	19051220	Nguyễn Hà Thương	09/18/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1500	19051221	Tăng Thị Thu Thương	06/11/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1501	19051222	Phan Thị Thủy	10/13/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1502	19051223	Nguyễn Đặng Thanh Thủy	07/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1503	19051224	Phạm Thu Thùy	08/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1504	19051225	Phạm Thị Phương Trâm	08/11/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1505	19051226	Cao Huyền Trang	12/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1506	19051227	Đặng Thị Hương Trang	12/04/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1507	19051228	Đào Quỳnh Trang	08/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1508	19051229	Diệp Thị Thu Trang	04/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1509	19051230	Đỗ Huyền Trang	01/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1510	19051231	Giang Quỳnh Trang	09/30/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1511	19051232	Lại Thị Huyền Trang	08/26/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1512	19051233	Lê Nguyễn Thu Trang	12/02/2000	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
1513	19051235	Lê Thu Trang	11/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1514	19051237	Nguyễn Hà Trang	09/26/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1515	19051238	Nguyễn Linh Trang	01/13/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1516	19051239	Nguyễn Thị Huyền Trang	02/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1517	19051240	Nguyễn Thị Minh Trang	08/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1518	19051242	Trần Thị Thu Trang	04/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1519	19051243	Trịnh Thu Trang	10/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1520	19051244	Từ Thị Thái Trang	03/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1521	19051245	Trần Cao Trí	02/22/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1522	19051246	Hoàng Xuân Trường	11/04/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1523	19051247	Nguyễn Thị Thanh Tú	07/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1524	19051248	Trần Minh Tuấn	03/12/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1525	19051249	Nguyễn Anh Tuấn	04/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1526	19051250	Nguyễn Sơn Tùng	10/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

1527	19051251	Đỗ Thị Ngọc Tươi	02/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1528	19051252	Đỗ Hoàng Uyên	03/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1529	19051253	Nguyễn Thị Thảo Vân	01/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1530	19051254	Phạm Thị Thanh Vân	02/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1531	19051257	Nguyễn Kim Hải Vũ	08/30/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1532	19051258	Nguyễn Quang Vũ	11/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1533	19051259	Nguyễn Thương Vũ	10/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-	
1534	19051260	Phạm Anh Vũ	09/07/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1535	19051262	Phạm Đức Vương	06/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1536	19051264	Nguyễn Thị Xuyên	08/09/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1537	19051265	Lương Thị Yên	09/30/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1538	19051266	Nguyễn Hải Yên	08/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1539	19051267	Nguyễn Hải Yên	06/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1540	19051268	Nguyễn Thị Hoàng Yên	02/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1541	19051269	Phạm Thị Hải Yên	09/15/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1542	19051270	Trần Thị Yên	02/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1543	19051273	Lại Thu Hương	12/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1544	19051277	Ngô Hà My	04/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1545	19051278	Nguyễn Minh Hiền	03/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1546	19051283	Nguyễn Mai Anh	09/03/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1547	19051301	Phạm Linh Chi	01/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1548	19051303	Nguyễn Phú Đại	01/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	27,020,000	25,870,000	-	
1549	19051307	Đình Quang Duy	09/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1550	19051311	Nguyễn Khánh Hà	03/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1551	19051313	Nguyễn Đỗ Phương Hoài	06/29/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1552	19051320	Đặng Đình Lâm	10/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1553	19051323	Đỗ Giang Linh	06/05/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1554	19051324	Bùi Khánh Linh	10/19/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1555	19051332	Trần Quang Minh	07/05/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1556	19051336	Đỗ Thị Bích Ngọc	06/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1557	19051338	Vũ Hà Phương	04/05/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1558	19051340	Vũ Đức Quang	08/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1559	19051342	Hứa Lê San	10/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1560	19051344	Đào Phương Thanh	08/30/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1561	19051349	Nguyễn Quỳnh Trang	03/06/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1562	19051350	Nguyễn Anh Tuấn	10/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1563	19051353	Nguyễn Phương Uyên	09/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1564	19051364	Vũ Minh Nguyệt	08/04/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1565	19051374	Nguyễn Thị Phương Dung	07/19/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1566	19051386	Trần Thị Kim Nhung	09/09/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1567	19051389	Nguyễn Văn Phương	12/25/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1568	19051400	Nguyễn Tiến Trí An	07/09/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1569	20050002	Âu Thị Thanh Hiệp	10/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	15,570,000	15,570,000	-	
1570	20050008	Nguyễn Thị Lan Anh	01/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1571	20050009	Nguyễn Văn Chi	01/10/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1572	20050011	Nguyễn Hương Giang	01/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1573	20050017	Lê Nguyễn Phương Nga	11/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1574	20050018	Phạm Thị Phương Thảo	04/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1575	20050020	Nguyễn Trang Nhung	11/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1576	20050021	Nguyễn Lê Minh Hằng	09/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
1577	20050022	Đỗ Thị Ánh	04/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1578	20050023	Nguyễn Thu Hà	1/2/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1579	20050024	Phan Anh Hoàng	05/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1580	20050025	Phạm Thanh Huyền	08/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1581	20050026	Vũ Thị Quỳnh Hương	02/07/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1582	20050027	Doãn Xuân Lâm	02/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1583	20050032	Lê Dương Tùng	06/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1584	20050033	Ngô Đức Thành	09/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1585	20050034	Nguyễn Thanh Thảo	05/21/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1586	20050037	Nguyễn Thị Anh Thơ	03/18/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1587	20050040	Đình Tiến Anh	08/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1588	20050041	Dương Nguyễn Anh	01/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1589	20050044	Lương Minh Anh	10/03/2020	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1590	20050046	Nguyễn Quốc Anh	08/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1591	20050047	Nguyễn Thị Lan Anh	02/10/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1592	20050048	Nguyễn Thị Lan Anh	09/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1593	20050050	Trần Hồng Anh	11/01/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1594	20050056	Trần Bảo Châu	03/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1595	20050060	Đỗ Xuân Đạt	02/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1596	20050061	Hoàng Tiến Đạt	07/18/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1597	20050062	Bùi Văn Đức	03/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1598	20050063	Đàm Thái Đức	07/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1599	20050065	Nguyễn Mạnh Đức	06/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1600	20050067	Mạc Thị Phương Dung	04/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1601	20050068	Nguyễn Phương Dung	12/12/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1602	20050071	Đỗ Việt Dũng	12/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1603	20050073	Lê Tuấn Dũng	05/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1604	20050074	Trần Anh Dũng	06/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1605	20050075	Nguyễn Thùy Dương	10/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1606	20050078	Đặng Trường Giang	05/08/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1607	20050079	Lê Thúy Giang	12/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1608	20050081	Hoàng Thái Hà	08/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1609	20050083	Tạ Thanh Hà	06/04/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1610	20050086	Trần Thúy Hiền	10/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1611	20050087	Trần Duy Hiền	07/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1612	20050088	Lê Duy Hiếu	08/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	17,475,000	-
1613	20050091	Nguyễn Việt Hoàng	11/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1614	20050092	Trần Huy Hoàng	08/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1615	20050094	Trần Vũ Hoàng	01/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1616	20050095	Phạm Phi Hùng	12/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1617	20050096	Vũ Đình Hùng	11/11/2001	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1618	20050097	Lại Việt Hưng	11/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1619	20050098	Trần Khắc Hưng	01/04/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1620	20050102	Nguyễn Thu Hương	09/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1621	20050103	Bùi Thiện Huy	08/08/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1622	20050106	Phạm Quang Huy	06/12/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1623	20050110	Nguyễn Khuê	06/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1624	20050111	Nguyễn Vũ Trung Kiên	07/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
1625	20050112	Phan Tuấn Kiệt	04/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1626	20050115	Phạm Hải Lâm	09/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1627	20050117	Đào Phương Linh	06/29/2001	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1628	20050119	Lê Nguyễn Yên Linh	04/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1629	20050120	Nguyễn Hằng Khánh Linh	11/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1630	20050121	Nguyễn Hoàng Linh	03/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1631	20050123	Nguyễn Thị Thảo Linh	11/12/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1632	20050124	Phùng Quang Linh	03/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	20,125,000	18,975,000	-
1633	20050125	Phùng Thị Nhật Linh	02/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1634	20050126	Thào Diệp Linh	04/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1635	20050127	Vũ Phương Linh	06/16/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1636	20050129	Hoàng Yến Ly	03/08/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1637	20050130	Vũ Cẩm Ly	04/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1638	20050132	Đỗ Phương Mai	05/31/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1639	20050135	Trần Phương Mai	10/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1640	20050138	Nguyễn Hà My	11/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-

1641	20050142	Trần Thị Hồng Ngân	12/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1642	20050143	Vũ Bùi Hoàng Ngân	03/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1643	20050144	Trần Hồng Ngọc	09/08/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1644	20050145	Vũ Minh Ngọc	11/18/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1645	20050146	Nguyễn Duy Nhật	07/08/2000	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1646	20050147	Lê Nguyễn Hoàng Nhi	11/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1647	20050148	Nguyễn Thị Kiều Oanh	04/06/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1648	20050149	Trần Hải Phong	08/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1649	20050150	Bùi Vũ Quốc Phúc	09/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1650	20050151	Nguyễn Hà Phương	12/29/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1651	20050154	Phùng Diễm Quỳnh	09/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1652	20050155	Nguyễn Thái Sơn	12/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1653	20050156	Trần Đức Tâm	04/21/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1654	20050157	Trần Lê Anh Thái	04/07/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1655	20050158	Nguyễn Ngọc Huyền	07/12/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1656	20050160	Nguyễn Phương Thảo	9/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1657	20050161	Chu Quỳnh Thi	11/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1658	20050162	Lê Hà Thu	01/31/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1659	20050163	Lưu Ngọc Anh Thư	07/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1660	20050164	Vũ Minh Thư	12/18/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1661	20050165	Lê Huyền Thương	01/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1662	20050166	Trần Ngọc Hoài Thương	10/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1663	20050168	Bùi Hạnh Trang	07/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1664	20050169	Hà Thị Thu Trang	08/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	19,210,000	18,060,000	-
1665	20050171	Lê Thị Hiền Trang	01/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1666	20050172	Lò Ngọc Huyền Trang	12/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1667	20050173	Trần Thị Thu Trang	06/21/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1668	20050175	Đinh Anh Trung	09/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1669	20050176	Đặng Thanh Tùng	06/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1670	20050177	Đỗ Hoàng Tùng	04/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1671	20050180	Vũ Hồng Vân	07/07/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1672	20050183	Đặng Minh Vũ	12/08/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1673	20050184	Trần Anh Vũ	11/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
1674	20050741	Vũ Hồng An	08/07/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1675	20050742	Bùi Quỳnh Anh	11/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
1676	20050743	Bùi Thị Phương Anh	12/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1677	20050744	Đỗ Diệp Anh	06/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1678	20050745	Đỗ Hồng Anh	10/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
1679	20050746	Đỗ Nguyễn Văn Anh	12/04/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1680	20050747	Đào Phương Anh	11/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1681	20050748	Đinh Thị Ngọc Anh	04/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
1682	20050749	Đinh Thị Nhật Anh	04/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
1683	20050750	Đoàn Thị Hương Anh	05/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	20,920,000	20,920,000	-
1684	20050751	Giáp Thị Vân Anh	10/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1685	20050752	Nguyễn Hoàng Thục Anh	08/29/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1686	20050753	Nguyễn Lan Anh	07/10/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1687	20050754	Nguyễn Minh Anh	03/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1688	20050755	Nguyễn Phương Anh	03/06/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1689	20050756	Nguyễn Thị Hải Anh	11/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1690	20050757	Nguyễn Thị Mai Anh	04/12/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1691	20050758	Nguyễn Thị Ngọc Anh	08/21/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
1692	20050759	Nguyễn Thị Phương Anh	05/29/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1693	20050760	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	02/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1694	20050761	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	01/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1695	20050762	Nguyễn Tuấn Anh	06/16/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1696	20050763	Nguyễn Văn Tuấn Anh	09/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1697	20050764	Phạm Tú Anh	12/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

1698	20050765	Phùng Lê Anh	11/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1699	20050766	Trần Minh Anh	05/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1700	20050767	Trần Thị Minh Anh	01/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1701	20050768	Trần Thị Minh Anh	08/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1702	20050769	Trương Hải Anh	06/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1703	20050770	Trương Thị Tú Anh	09/01/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1704	20050772	Vũ Tuyết Anh	05/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1705	20050773	Đỗ Thị Minh Ánh	12/07/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1706	20050774	Đỗ Thị Minh Ánh	09/29/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1707	20050775	Nguyễn Thị Ánh	04/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1708	20050776	Trịnh Thị Minh Ánh	05/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1709	20050777	Hoàng Thái Bảo	12/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1710	20050778	Phạm Nguyên Bình	09/06/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1711	20050779	Vũ Nguyên Bình	01/04/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1712	20050780	Bùi Thị Ngọc Châm	09/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1713	20050781	Đỗ Thị Châm	06/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1714	20050782	Nguyễn Minh Châu	09/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1715	20050783	Nguyễn Phương Chi	12/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1716	20050785	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	08/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1717	20050786	Vy Ngọc Diệp	12/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
1718	20050789	Vũ Bá Duy	12/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1719	20050790	Nguyễn Mỹ Duyên	08/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1720	20050791	Đặng Hồng Dương	06/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1721	20050792	Hồ Phạm Thùy Dương	10/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1722	20050793	Phạm Thủy Dương	12/31/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1723	20050794	Trịnh Thùy Dương	04/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1724	20050795	Nguyễn Thị Đào	12/16/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1725	20050796	Vũ Hải Đăng	07/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
1726	20050797	Lê Văn Đức	10/21/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1727	20050798	Nguyễn Bá Đức	09/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1728	20050799	Nguyễn Minh Đức	03/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1729	20050800	Nguyễn Việt Đức	05/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1730	20050801	Phan Minh Đức	12/16/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1731	20050802	Trần Thị Hồng Gấm	10/31/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1732	20050803	Bùi Thị Hương Giang	05/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1733	20050805	Đoàn Hương Giang	11/01/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1734	20050806	Đoàn Thị Hương Giang	08/16/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1735	20050807	Hoàng Bằng Giang	12/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1736	20050808	Nguyễn Thị Thùy Giang	04/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1737	20050809	Vũ Thị Hồng Giang	11/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1738	20050810	Dương Minh Hà	10/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1739	20050811	Kiều Nguyệt Hà	11/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1740	20050812	Nguyễn Thu Hà	11/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1741	20050813	Đặng Hoàng Hải	04/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1742	20050815	Nguyễn Thị Thanh Hải	06/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1743	20050816	Nguyễn Thị Hạnh	06/16/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1744	20050817	Nguyễn Thị Hạnh	03/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1745	20050818	Trần Đình Hạnh	02/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	-
1746	20050821	Tạ Thanh Hằng	04/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1747	20050822	Võ Thị Minh Hằng	07/29/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1748	20050823	Nguyễn Thị Bảo Hân	04/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1749	20050824	Trần Lê Hân	12/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1750	20050825	Nguyễn Thu Hiền	03/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1751	20050826	Vũ Thu Hiền	02/18/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1752	20050829	Phạm Trung Hiếu	10/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1753	20050830	Đoàn Thị Hoài	06/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1754	20050831	Nguyễn Thị Thu Hoài	11/18/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-



1755	20050832	Nguyễn Thu Hoài	01/01/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1756	20050833	Vũ Thị Hoài	08/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1757	20050834	Vũ Lê Hoàng	05/12/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1758	20050835	Kiều Quang Huy	12/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1759	20050836	Phạm Quang Huy	01/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1760	20050837	Trần Quang Huy	07/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1761	20050838	Đường Thu Huyền	10/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1762	20050839	Lê Thương Huyền	02/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1763	20050840	Lưu Khánh Huyền	11/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1764	20050841	Nguyễn Khánh Huyền	06/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1765	20050842	Nguyễn Thị Huyền	03/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1766	20050843	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	02/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1767	20050844	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	02/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1768	20050845	Nguyễn Thị Thu Huyền	09/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1769	20050846	Nguyễn Thị Thu Huyền	06/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1770	20050847	Phùng Khánh Huyền	10/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1771	20050848	Trần Trung Hưng	09/29/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1772	20050849	Đỗ Lan Hương	11/12/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1773	20050850	Nguyễn Thị Hương	12/01/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1774	20050851	Phạm Thu Hương	06/04/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1775	20050852	Trịnh Thị Lan Hương	02/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1776	20050853	Mâu Minh Khải	11/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1777	20050854	Dương Nguyễn Long Khánh	09/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1778	20050855	Phạm Minh Khoa	06/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1779	20050856	Nguyễn Thị Thu Lan	04/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1780	20050857	Vũ Thị Lâm	05/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1781	20050858	Nguyễn Thị Phương Liên	08/04/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1782	20050859	Bạch Khánh Linh	12/08/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1783	20050861	Dương Ngọc Huyền Linh	06/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1784	20050862	Đinh Thị Thùy Linh	02/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1785	20050863	Lê Phương Linh	06/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1786	20050866	Nguyễn Thị Khánh Linh	03/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1787	20050867	Phan Thị Thùy Linh	11/09/2001	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	15,050,000	15,050,000	-	
1788	20050868	Phạm Khánh Linh	04/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1789	20050869	Phạm Thị Khánh Linh	09/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1790	20050870	Phạm Thùy Linh	11/21/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1791	20050871	Trần Thị Diệu Linh	03/16/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1792	20050872	Lê Thị Thanh Loan	04/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1793	20050873	Ngô Thị Bích Loan	12/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1794	20050874	Trần Đức Long	09/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1795	20050876	Nguyễn Thị Lý	06/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1796	20050877	Bùi Ngọc Mai	10/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1797	20050878	Đinh Hoàng Linh Mai	07/31/2001	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1798	20050879	Nguyễn Phương Mai	09/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1799	20050880	Phạm Kiều Mai	11/07/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1800	20050881	Phạm Thị Ngọc Mai	04/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
1801	20050882	Trần Nhật Mai	12/01/2001	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1802	20050883	Nguyễn Ngọc Minh	08/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1803	20050884	Nguyễn Quý Minh	11/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1804	20050885	Phạm Huyền Minh	10/21/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
1805	20050886	Bùi Nguyễn Huyền My	08/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1806	20050887	Đỗ Trà My	07/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1807	20050888	Lê Na	09/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1808	20050889	Bùi Nhật Nam	01/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1809	20050890	Nguyễn Hoài Nam	10/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1810	20050891	Dương Thị Hằng Nga	02/06/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1811	20050892	Đỗ Thị Nga	08/21/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1812	20050893	Nguyễn Phương Nga	10/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1813	20050894	Nguyễn Thị Ngà	07/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1814	20050895	Hoàng Thị Thu Ngân	10/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	14,100,000	14,100,000	-
1815	20050897	Đỗ Vũ Bích Ngọc	10/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1816	20050898	Lương Minh Ngọc	02/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1817	20050903	Trần Thị Ánh Ngọc	07/06/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1818	20050904	Ngô Thị Thanh Nhân	11/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1819	20050905	Vũ Thị Nhâm	08/24/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1820	20050906	Bùi Huyền Nhi	09/04/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-
1821	20050907	Phạm Mai Nhi	12/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1822	20050908	Trịnh Yến Nhi	12/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1823	20050909	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1824	20050910	Nguyễn Thị Nhung	01/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1825	20050911	Nguyễn Trúc Anh Nhung	08/06/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1826	20050912	Nguyễn Thị Minh Nụ	06/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1827	20050913	Vũ Hoàng Oanh	02/22/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
1828	20050915	Phạm Xuân Ngọc Phước	10/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1829	20050916	Nguyễn Lan Phương	07/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1830	20050918	Phạm Minh Phương	10/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1831	20050919	Phạm Thị Hà Phương	11/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1832	20050920	Trần Minh Phương	12/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1833	20050921	Trịnh Lê Minh Phương	09/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1834	20050922	Vũ Thu Phương	12/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1835	20050923	Vũ Thị Đan Phương	06/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
1836	20050925	Bùi Phương Quỳnh	09/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1837	20050926	Đình Công Thái Sơn	10/18/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
1838	20050927	Vũ Đức Sơn	12/28/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1839	20050928	Đỗ Thanh Tâm	11/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1840	20050929	Bùi Phương Thảo	07/10/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1841	20050930	Bùi Phương Thảo	04/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1842	20050931	Cao Phương Thảo	12/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1843	20050932	Lê Thị Thảo	05/23/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1844	20050933	Lê Thị Thảo	12/10/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1845	20050934	Nguyễn Phương Thảo	11/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1846	20050935	Phạm Thị Phương Thảo	06/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1847	20050936	Trần Hà Ngọc Thảo	10/04/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1848	20050937	Trịnh Thu Thảo	05/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1849	20050938	Nguyễn Thị Thắm	01/18/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1850	20050939	Nguyễn Bảo Thắng	03/17/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1851	20050940	Nguyễn Đức Thắng	09/29/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1852	20050941	Dương Thị Thu	12/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1853	20050942	Phạm Thanh Thùy	06/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1854	20050944	Nguyễn Ngọc Thư	06/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1855	20050945	Nguyễn Thị Anh Thư	02/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
1856	20050946	Nguyễn Thị Oanh Thư	10/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1857	20050947	Nguyễn Thanh Thư	07/26/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1858	20050949	Lưu Thị Thu Trà	02/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1859	20050951	Nguyễn Minh Trang	08/06/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1860	20050952	Nguyễn Thu Trang	02/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1861	20050953	Phạm Lê Quỳnh Trang	06/20/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
1862	20050954	Phạm Thu Trang	06/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1863	20050955	Quách Huyền Trang	12/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1864	20050956	Nguyễn Mạnh Trường	09/25/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1865	20050957	Nguyễn Việt Mạnh Trường	11/29/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1866	20050958	Tạ Hùng Trường	05/07/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1867	20050959	Phan Phương Tú	03/08/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
1868	20050960	Nguyễn Thị Kim Tuyền	04/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

1869	20050961	Trần Ánh Tuyết	05/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1870	20050962	Hoàng Thị Tú Uyên	12/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1871	20050963	Nguyễn Thị Thu Uyên	09/14/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
1872	20050964	Phạm Thị Thu Uyên	02/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1873	20050965	Nguyễn Thị Ánh Vân	06/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1874	20050966	Vũ Thị Bích Việt	10/27/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1875	20050967	Lâm Khánh Vy	03/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-	
1876	20050969	Nguyễn Thị Xuyên	07/03/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1877	20050970	Đoàn Thị Yến	02/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1878	20050971	Nguyễn Hải Yến	07/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
<b>Khoa QTKD</b>			<i>576 sinh viên</i>					
1879	16051067	Khúc Cẩm Linh	01/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	8,995,000	8,995,000	-	
1880	16052332	Đình Bảo Duy	03/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	5,565,000	5,565,000	-	
1881	17050660	Phạm Mai Anh	07/03/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1882	17050664	Nguyễn Linh Chi	07/18/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1883	17050665	Trần Ngọc Vân Chi	11/20/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1884	17050667	Nguyễn Tri Dũng	01/21/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1885	17050668	Trần Hoàng Dương	10/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1886	17050669	Lương Thị Thuý Dương	07/14/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1887	17050670	Đỗ Thái Đông	06/16/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1888	17050672	Lê Hà Giang	09/17/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1889	17050674	Nguyễn Hải Hiệp	07/21/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-	
1890	17050675	Nghiêm Trung Hiếu	04/18/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1891	17050677	Nguyễn Thị Xuân Hòa	08/01/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1892	17050681	Nguyễn Thanh Huyền	08/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1893	17050683	Trần Thị Thanh Huyền	03/27/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1894	17050684	Nguyễn Thu Huyền	10/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1895	17050685	Vũ Quỳnh Hương	09/06/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1896	17050686	Lê Thị Hương	10/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1897	17050688	Nguyễn Tuấn Khải	08/27/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1898	17050689	Nguyễn Quốc Khánh	08/30/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1899	17050694	Nguyễn Tất Linh	01/14/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1900	17050695	Hoàng Thị Yến Linh	11/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1901	17050698	Đặng Hương Ly	04/07/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1902	17050701	Đình Quang Minh	11/23/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-	
1903	17050702	Trần Phùng Hà My	05/14/1998	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1904	17050703	Mai Hải Nam	09/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1905	17050705	Bùi Bích Ngọc	08/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1906	17050708	Phạm Kim Oanh	07/08/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1907	17050714	Phan Diễm Quỳnh	10/09/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1908	17050715	Bùi Ngọc Quỳnh	07/08/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1909	17050716	Phạm Thuý Quỳnh	06/22/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1910	17050717	Nguyễn Thị Minh Tâm	02/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1911	17050718	Nguyễn Thị Thanh Tâm	02/03/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1912	17050719	Đỗ Phương Thảo	09/22/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	13,725,000	13,725,000	-	
1913	17050720	Nguyễn Thị Thoa	09/29/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1914	17050722	Phạm Ngọc Thương	07/19/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1915	17050723	Chu Huyền Trang	01/31/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1916	17050724	Đỗ Huyền Trang	09/13/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1917	17050726	Bùi Quỳnh Trang	06/26/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
1918	17050727	Nguyễn Thị Thu Trang	11/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1919	17050731	Bùi Sơn Tùng	11/30/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1920	17050733	Nguyễn Thị Xuyên	08/11/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1921	17050734	Hà Thị Hải Yến	07/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1922	18050650	Trần Thái An	11/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1923	18050651	Bùi Đức Anh	06/24/1999	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1924	18050652	Hà Quỳnh Anh	05/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

1925	18050653	Hạng Triệu Đức Anh	08/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	21,835,000	21,835,000	-	
1926	18050655	Hoàng Thị Vân Anh	11/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1927	18050657	Nguyễn Hà Anh	02/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1928	18050659	Nguyễn Hồng Anh	11/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	22,480,000	22,480,000	-	
1929	18050660	Nguyễn Lê Phương Anh	07/31/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1930	18050661	Nguyễn Ngọc Anh	01/22/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1931	18050663	Nguyễn Phương Anh	07/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1932	18050664	Nguyễn Thị Lan Anh	05/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1933	18050665	Nguyễn Thị Tuyết Anh	04/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1934	18050666	Nguyễn Tùng Anh	01/22/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1935	18050667	Nguyễn Việt Anh	03/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1936	18050668	Phạm Duy Anh	11/05/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1937	18050669	Phạm Thị Vân Anh	04/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1938	18050672	Trần Vương Tú Anh	03/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1939	18050673	Vũ Huyền Anh	10/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1940	18050674	Vũ Thị Quỳnh Anh	09/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1941	18050676	Giáp Ngọc Ánh	01/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1942	18050678	Mai Thị Ngọc Ánh	02/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1943	18050679	Nguyễn Ngọc Ánh	02/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1944	18050682	Phạm Văn Bình	11/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1945	18050683	Tô Thị Bình	06/22/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1946	18050684	Trần Đức Bình	02/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1947	18050685	Vũ Kim Chi	05/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1948	18050686	Nguyễn Thị Chung	05/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1949	18050687	Đào Ngọc Chuyên	04/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1950	18050688	Hoàng Khánh Đạt	09/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1951	18050689	Phạm Minh Đạt	12/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1952	18050690	Hoàng Anh Đức	02/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1953	18050691	Lê Nguyên Đức	11/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1954	18050692	Phan Đình Đức	10/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1955	18050694	Nguyễn Thị Ngọc Dung	10/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1956	18050695	Lê Đức Dũng	11/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1957	18050697	Nguyễn Thuý Dương	07/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1958	18050698	Phạm Thùy Dương	03/21/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1959	18050699	Đào Hoàng Duy	12/31/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1960	18050700	Đặng Long Giang	07/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1961	18050701	Đinh Trà Giang	08/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1962	18050702	Nguyễn Thanh Giang	06/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1963	18050703	Nguyễn Trường Giang	11/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1964	18050704	Vũ Trường Giang	04/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1965	18050705	Bùi Thị Hồng Hà	11/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1966	18050708	Vũ Ngọc Hà	06/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1967	18050712	Nguyễn Thị Hằng	06/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1968	18050716	Nguyễn Thị Thanh Hậu	07/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-	
1969	18050719	Vũ Trung Hiếu	12/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	
1970	18050720	Trương Thanh Hoa	02/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1971	18050721	Đinh Bá Hoàng	05/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1972	18050722	Phạm Minh Hoàng	08/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1973	18050723	Phan Huy Hoàng	08/17/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1974	18050724	Nguyễn Thị Huệ	09/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1975	18050725	Tạ Thị Thu Huệ	12/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1976	18050726	Hoàng Mai Hương	02/24/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1977	18050727	Bùi Thị Hương	03/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1978	18050728	Đỗ Ngọc Huy	11/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1979	18050729	Dương Quốc Huy	06/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1980	18050730	Ngô Quang Huy	04/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
1981	18050732	Vũ Huỳnh Anh Huy	10/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	

1982	18050734	Ngô Thị Khánh Huyền	10/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1983	18050735	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	03/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1984	18050736	Trần Việt Kết	05/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1985	18050737	Nguyễn Tuấn Khang	09/21/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1986	18050739	Trịnh Hồng Lê	12/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1987	18050741	Doãn Thị Thủy Linh	09/24/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1988	18050742	Hồ Nhật Linh	11/09/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1989	18050744	Lục Phạm Khánh Linh	09/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-	-
1990	18050745	Mai Thị Thùy Linh	10/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1991	18050746	Ngô Khánh Linh	07/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1992	18050747	Ngô Thị Diệu Linh	03/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1993	18050750	Nguyễn Trúc Linh	10/23/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1994	18050751	Phạm Thùy Linh	06/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1995	18050752	Trịnh Khánh Linh	12/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1996	18050753	Vũ Thùy Linh	08/16/1999	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1997	18050754	Nguyễn Thị Loan	06/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1998	18050755	Hoàng Ngọc Long	07/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
1999	18050756	Phạm Kim Long	01/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2000	18050757	Trương Thế Long	12/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2001	18050759	Vũ Quốc Long	10/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2002	18050760	Bùi Trần Công Lục	04/24/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2003	18050761	Tổng Thị Hải Ly	08/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2004	18050762	Nguyễn Minh Lý	08/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2005	18050763	Đinh Thị Mai	04/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2006	18050764	Đoàn Thúy Mai	01/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2007	18050765	Nguyễn Thị Mai	10/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2008	18050766	Vũ Thị Mai	06/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2009	18050767	Nguyễn Tiến Mạnh	12/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2010	18050770	Nguyễn Tuấn Minh	10/17/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2011	18050771	Đinh Huyền My	04/23/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2012	18050772	Kiều Thị Trà My	10/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2013	18050773	Phạm Đoàn Trà My	09/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2014	18050774	Bùi Thủy Nga	06/09/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2015	18050775	Hoàng Mai Ngân	09/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2016	18050778	Lê Thị Bảo Ngọc	04/16/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2017	18050781	Nguyễn Yến Ngọc	09/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2018	18050782	Phạm Hoài Ngọc	12/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2019	18050785	Lê Hoàng Yến Nhi	03/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2020	18050786	Lê Yến Nhi	10/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2021	18050787	Nguyễn Hương Nhi	08/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2022	18050788	Trần Minh Nhi	05/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2023	18050789	Phùng Đỗ Tâm Như	09/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2024	18050790	Nguyễn Thị Hồng Nhung	09/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2025	18050791	Nguyễn Thị Nhung	06/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-	-
2026	18050793	Mạc Phương Oanh	06/05/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2027	18050795	Bùi Thị Hồng Phúc	08/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2028	18050797	Nguyễn Thị Phương	06/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2029	18050798	Nguyễn Thị Thanh Phương	09/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2030	18050800	Đào Thị Phương	09/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2031	18050801	Trần Thị Thu Quyên	11/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2032	18050802	Bùi Trung Quyên	03/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	-
2033	18050804	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	11/25/1999	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2034	18050805	Chu Đỗ Hoàng Sơn	01/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2035	18050806	Ninh Văn Sơn	08/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2036	18050808	Nguyễn Thị Tâm	03/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2037	18050809	Nguyễn Trọng Tấn	09/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2038	18050810	Lương Thanh Thảo	08/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-

2039	18050811	Nguyễn Thị Lê Thảo	04/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2040	18050812	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2041	18050814	Nguyễn Thị Thiện	08/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2042	18050818	Nguyễn Vũ Minh Thu	03/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2043	18050819	Vũ Hà Thu	12/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2044	18050821	Lê Thu Thủy	10/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2045	18050822	Nguyễn Thị Thanh Thủy	06/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2046	18050823	Mai Nguyễn Thanh Thủy	01/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2047	18050824	Phạm Thị Thu Thủy	05/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2048	18050828	Đình Hoàng Hạnh Trang	10/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2049	18050829	Hoàng Thị Quỳnh Trang	09/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2050	18050830	Kim Minh Trang	12/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2051	18050831	Lê Minh Trang	07/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2052	18050832	Lương Thị Trang	07/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2053	18050833	Lưu Quỳnh Trang	08/16/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2054	18050834	Mai Thị Kiều Trang	11/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,210,000	19,210,000	-
2055	18050835	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	05/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2056	18050836	Trần Hạnh Trang	11/23/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2057	18050837	Trần Đức Trung	09/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2058	18050838	Nguyễn Anh Tú	09/21/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2059	18050842	Trịnh Thị Tuyết	02/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2060	18050843	Lê Thị Thu Uyên	02/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2061	18050844	Nguyễn Thị Thanh Vân	02/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2062	18050845	Lê Minh Vũ	10/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	19,210,000	19,210,000	-
2063	18050846	Nguyễn Thị Yên	10/09/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2064	18050850	Bùi Đức Hoàng	07/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2065	19051402	Đặng Thị Thủy An	11/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2066	19051403	Phạm Thủy An	01/13/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2067	19051404	Trần Thành An	06/01/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2068	19051405	An Tuấn Anh	06/10/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2069	19051406	Bùi Đức Anh	04/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2070	19051407	Bùi Nguyễn Mai Anh	07/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2071	19051411	Hoa Quỳnh Anh	09/29/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2072	19051413	Lại Mai Anh	11/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2073	19051415	Lê Thế Anh	06/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2074	19051418	Nguyễn Thị Châm Anh	03/15/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2075	19051419	Nguyễn Thị Vân Anh	05/14/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2076	19051420	Trần Mai Anh	03/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2077	19051421	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	04/11/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2078	19051422	Trần Ngọc Ánh	09/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2079	19051423	Hoàng Xuân Bách	12/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2080	19051424	Lê Sỹ Bách	12/14/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	13,350,000	13,350,000	-
2081	19051425	Trần Ngọc Bách	02/05/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2082	19051427	Đào Thị Linh Chi	08/27/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2083	19051428	Nguyễn Kim Chi	07/15/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2084	19051429	Phùng Hà Chi	09/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2085	19051430	Trịnh Lan Chi	05/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2086	19051431	Vũ Thành Công	07/15/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2087	19051432	Nguyễn Thị Cúc	06/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2088	19051433	Phạm Đức Cường	04/09/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2089	19051434	Hoàng Quốc Đại	09/12/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2090	19051435	Nguyễn Tiến Đạt	07/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2091	19051436	Nguyễn Trọng Đạt	02/09/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2092	19051437	Đỗ Hồng Diễm	01/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2093	19051439	Nguyễn Hồng Ngọc Diệp	08/07/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2094	19051440	Cao Việt Đức	09/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2095	19051441	Hà Minh Đức	09/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

2096	19051442	Lê Anh Đức	05/29/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2097	19051443	Nghiêm Huỳnh Đức	05/22/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2098	19051444	Nguyễn Văn Đức	02/08/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2099	19051445	Phạm Thị Kim Dung	02/03/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2100	19051446	Hoàng Mạnh Dũng	09/01/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2101	19051448	Nguyễn Hoàng Dũng	10/31/1999	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2102	19051449	Trần Văn Dũng	03/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2103	19051450	Nguyễn Phạm Cẩm Dương	09/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2104	19051452	Nguyễn Thùy Dương	10/04/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2105	19051454	Nguyễn Phương Duyên	01/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2106	19051455	Đoàn Hương Giang	02/20/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
2107	19051456	Ngô Cảnh Hoàng Giang	08/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2108	19051458	Trần Nguyễn Nguyên Hà	12/18/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2109	19051459	Nguyễn Thúy Hằng	12/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2110	19051460	Ninh Thúy Hằng	10/01/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2111	19051461	Chu Thị Tiểu Hạnh	05/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2112	19051462	Nguyễn Thị Hạnh	02/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2113	19051463	Nguyễn Minh Hào	12/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2114	19051466	Đặng Thị Thúy Hiền	08/10/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2115	19051467	Nguyễn Thị Minh Hiền	02/22/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
2116	19051468	Trịnh Thị Hiền	12/24/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2117	19051469	Hà Minh Hiếu	09/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2118	19051470	Lê Tiến Hiếu	07/11/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2119	19051471	Tạ Nguyễn Vũ Đức Hiếu	07/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2120	19051472	Kiều Thị Hoa	03/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2121	19051473	Đinh Thị Thu Hoài	09/19/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2122	19051475	Nguyễn Nhật Hoàng	12/23/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2123	19051476	Vũ Huy Hoàng	10/12/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2124	19051477	Nguyễn Mạnh Hùng	06/16/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2125	19051478	Hoàng Việt Hưng	11/06/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2126	19051481	Trịnh Vũ Hưng	09/18/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	-
2127	19051482	Lê Thị Mai Hương	08/24/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2128	19051483	Lưu Thị Hương	10/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2129	19051484	Nguyễn Lan Hương	05/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2130	19051485	Chu Thị Hường	11/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2131	19051486	Nguyễn Công Huy	12/22/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2132	19051487	Nguyễn Văn Huy	11/19/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2133	19051488	Đinh Thị Minh Huyền	05/23/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2134	19051491	Phạm Thị Huyền	04/12/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2135	19051492	Phan Thị Diệu Huyền	11/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2136	19051493	Trần Thị Thanh Huyền	04/01/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2137	19051495	Nguyễn Quốc Khánh	02/27/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2138	19051497	Trần Thị Lâm	05/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2139	19051499	Hà Nguyễn Phương Lan	04/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2140	19051500	Lê Phương Lan	07/05/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2141	19051501	Nguyễn Thị Lan	08/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2142	19051504	Cao Khánh Linh	09/09/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2143	19051507	Nguyễn Phương Linh	05/31/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2144	19051509	Phạm Trang Linh	02/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
2145	19051510	Tống Khánh Linh	03/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2146	19051511	Trần Phương Linh	12/05/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
2147	19051512	Trần Thị Linh	02/20/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2148	19051513	Nguyễn Thị Hiền Lương	09/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2149	19051514	Chu Cẩm Ly	11/20/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2150	19051517	Vũ Thị Tân Mai	10/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2151	19051518	Nguyễn Quang Mạnh	01/08/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2152	19051520	Đỗ Quang Minh	05/05/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-

2153	19051522	Hoàng Minh	01/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2154	19051524	Nguyễn Nguyệt Minh	03/15/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2155	19051527	Hoàng Thảo My	12/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2156	19051528	Ngô Thị Trà My	10/16/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2157	19051530	Chu Thị Mỹ	09/19/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2158	19051531	Đỗ Hải Nam	01/08/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2159	19051533	Ngô Quỳnh Nga	10/24/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2160	19051534	Nguyễn Hằng Nga	08/18/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2161	19051536	Nguyễn Thanh Nga	09/19/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2162	19051537	Phạm Thị Phương Nga	11/10/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2163	19051539	Vũ Quốc Nghĩa	02/22/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2164	19051540	Đỗ Thị Ngoan	06/27/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
2165	19051541	Đặng Hà Hồng Ngọc	10/14/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2166	19051543	Đỗ Thị Minh Ngọc	02/14/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2167	19051544	Nguyễn Lam Ngọc	02/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2168	19051546	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	11/14/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2169	19051547	Vũ Bảo Ngọc	12/13/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2170	19051548	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	02/16/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2171	19051549	Phan Thị Thanh Nhân	08/07/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2172	19051551	Lã Thị Nhung	03/15/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-
2173	19051552	Nguyễn Duy Phong	05/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2174	19051553	Phạm Doãn Thanh Phong	09/03/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2175	19051554	Đỗ Minh Phú	09/18/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2176	19051555	Đỗ Nam Phương	08/11/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2177	19051556	Ngô Thị Lan Phương	01/08/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2178	19051557	Nguyễn Lê Hà Phương	03/29/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2179	19051559	Nguyễn Thị Việt Phương	08/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2180	19051560	Nguyễn Thu Phương	12/23/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2181	19051563	Lê Ngọc Phương	09/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2182	19051565	Lã Tùng Quân	10/07/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2183	19051566	Lê Minh Quân	02/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2184	19051567	Trần Anh Quân	06/05/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2185	19051568	Vũ Hồng Quân	05/22/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2186	19051570	Hoàng Hương Quỳnh	03/24/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2187	19051571	Lưu Diễm Quỳnh	07/06/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2188	19051572	Phạm Ngọc Quỳnh	01/18/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2189	19051574	Nguyễn Ngọc Tân	04/07/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2190	19051575	Nguyễn Nguyên Tân	06/06/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
2191	19051576	Đỗ Đức Thắng	08/16/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2192	19051578	Nguyễn Tuấn Thành	10/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2193	19051579	Phạm Khắc Thành	12/18/2000	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2194	19051580	Trần Trường Thành	05/24/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2195	19051581	An Thị Phương Thảo	10/22/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2196	19051582	Lại Thị Thảo	04/07/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2197	19051583	Lưu Phương Thảo	12/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2198	19051584	Nguyễn Phương Thảo	07/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2199	19051586	Trần Thị Phương Thảo	09/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2200	19051587	Nguyễn Phúc Thiện	10/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2201	19051590	Trương Thị Minh Thoa	01/01/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2202	19051591	Lê Hoài Thu	05/09/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2203	19051593	Phùng Văn Thương	07/03/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2204	19051594	Nguyễn Thị Thủy	10/08/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2205	19051595	Dương Thị Phương Thủy	09/14/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2206	19051596	Nguyễn Minh Thủy	04/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2207	19051597	Nguyễn Phương Thủy	01/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-
2208	19051598	Nguyễn Thị Thủy	02/06/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2209	19051599	Bùi Thị Thanh Thủy	07/22/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-



2210	19051600	Nguyễn Thị Thùy	05/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2211	19051601	Võ Thị Trà	11/20/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2212	19051602	Đinh Thị Thu Trang	05/28/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2213	19051604	Hoàng Thanh Trang	01/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2214	19051605	Hoàng Thị Trang	06/30/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2215	19051606	Nguyễn Thị Đào Trang	03/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2216	19051608	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/20/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2217	19051609	Nguyễn Thị Thu Trang	07/16/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2218	19051611	Nguyễn Thu Trang	08/01/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2219	19051614	Tạ Ngô Thiên Trang	10/27/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2220	19051615	Bùi Thế Trường	02/27/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2221	19051617	Phạm Sơn Trường	08/04/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2222	19051618	Cù Minh Tú	12/23/2000	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2223	19051619	Lê Hoàng Anh Tú	08/23/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2224	19051620	Cao Anh Tuấn	09/11/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2225	19051621	Trần Thị Tươi	04/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2226	19051623	Phạm Thị Thảo Vân	01/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2227	19051624	Nguyễn Tường Vi	08/27/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2228	19051627	Bùi Hà Vy	11/13/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2229	19051628	Nguyễn Lưu Anh Xuyên	01/07/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2230	19051629	Nguyễn Hải Yến	08/22/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2231	19051630	Nguyễn Thị Hải Yến	08/20/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2232	19051631	Nguyễn Thị Hải Yến	10/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	20,920,000	20,920,000	-	
2233	19051634	Trần Thị Tô Uyên	06/08/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2234	19051643	Lê Huy Cường	01/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2235	19051645	Nguyễn Võ Dương	04/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2236	19051646	Nguyễn Thị Thùy Dương	12/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2237	19051657	Hoàng Bá Khôi Nguyên	01/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	20,125,000	20,125,000	-	
2238	19051659	Lê Phương Thảo	07/19/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2239	19051664	Phạm Phương Anh	03/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2240	19051665	Phạm Hồng Nhung	01/26/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2241	19051685	Nguyễn Ngọc Quỳnh	10/11/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2242	19051690	Nguyễn Lê Uyên	11/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2243	19051691	Nguyễn Lê Vy	11/25/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2244	19051695	Nguyễn Trùng Dương	08/25/2000	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2245	20050005	Lê Kim Chi	10/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2246	20050006	Trần Ngọc Thái	06/20/2001	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2247	20050007	Trần Châu Anh	06/06/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2248	20050010	Nguyễn Quỳnh Chi	07/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2249	20050012	Hạ Thị Thu Hiền	12/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2250	20050013	Phạm Văn Huy	11/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2251	20050016	Lương Thùy Minh	04/26/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	
2252	20050019	Đỗ Huyền Trang	03/13/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2253	20050029	Vũ Mai Linh	11/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2254	20050030	Nguyễn Quỳnh Nga	01/09/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2255	20050031	Phan Uyên Nhi	08/25/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2256	20050042	Hoàng Minh Anh	09/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2257	20050049	Nguyễn Võ Thục Anh	10/08/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2258	20050052	Nguyễn Hữu Bách	03/22/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2259	20050055	Vũ Văn Bình	12/08/2000	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2260	20050064	Nguyễn Mạnh Đức	10/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	12,600,000	11,450,000	-	
2261	20050066	Vũ Minh Đức	06/09/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2262	20050069	Nguyễn Thanh Dung	5/23/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2263	20050077	Nguyễn Thế Duy	03/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2264	20050090	Vũ Minh Hiếu	1/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	
2265	20050099	Vũ Cảnh Hưng	12/30/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	
2266	20050105	Nguyễn Phúc Huy	08/24/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2267	20050109	Phạm Ngọc Khánh	12/30/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	-
2268	20050113	Phùng Tuấn Kiệt	11/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	-
2269	20050122	Nguyễn Tài Linh	08/13/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	-
2270	20050128	Lê Bảo Lộc	05/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	-
2271	20050136	Nguyễn Văn Mạnh	3/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	-
2272	20050137	Đỗ Thị Hà My	03/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	-
2273	20050139	Hoàng Tuấn Nam	11/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	-
2274	20050152	Ngô Vinh Quang	11/23/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	-
2275	20050153	Nguyễn Anh Quốc	07/31/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	-
2276	20050159	Đặng Thanh Thảo	9/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	-
2277	20050167	Đỗ Bá Tiến	02/25/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	-
2278	20050179	Trần Ngô Thanh Vân	10/09/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-	-
2279	20050186	Trần Phương Dung	3/05/2000	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
2280	20050187	Lương Phương Thảo	02/24/2001	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2281	20050188	Kiều Trảng An	09/11/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2282	20050190	Nguyễn Thị Bình An	08/26/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2283	20050191	Phạm Thùy An	05/11/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2284	20050193	Đỗ Quỳnh Anh	09/23/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
2285	20050194	Hồ Thị Như Anh	10/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	-
2286	20050195	Hà Thị Ngọc Anh	07/22/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2287	20050196	Hoàng Lê Văn Anh	05/31/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2288	20050197	Hoàng Phương Anh	12/12/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2289	20050198	Hoàng Thị Ngọc Anh	06/21/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2290	20050199	Nguyễn Đoàn Kim Anh	02/23/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2291	20050200	Nguyễn Hải Anh	10/09/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2292	20050201	Nguyễn Hải Anh	10/30/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	-
2293	20050203	Nguyễn Minh Phương Anh	03/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2294	20050204	Nguyễn Thị Lan Anh	03/18/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2295	20050205	Nguyễn Thị Trang Anh	06/19/2001	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2296	20050206	Nguyễn Văn Anh	02/24/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2297	20050208	Phạm Hoàng Anh	01/31/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
2298	20050210	Tạ Phương Anh	02/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2299	20050212	Trần Nguyệt Anh	08/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2300	20050213	Trần Văn Anh	06/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2301	20050214	Vũ Phương Anh	07/21/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	19,210,000	19,210,000	-	-
2302	20050215	Trương Nhật Ánh	01/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2303	20050217	Bùi Thị Thái Bình	09/04/2001	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2304	20050218	Vũ Bắc Bình	02/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2305	20050219	Phan Ngọc Chi	11/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
2306	20050220	Trần Thị Mai Chi	08/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2307	20050221	Trần Tùng Chi	11/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	-
2308	20050222	Nguyễn Thị Chinh	04/24/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2309	20050223	Lê Thị Cúc	04/18/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2310	20050224	Nguyễn Hữu Cường	11/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	14,100,000	14,100,000	-	-
2311	20050226	Triệu Trí Cường	11/17/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	-
2312	20050227	Nguyễn Lê Tùng Diệp	08/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
2313	20050229	Dương Công Dũng	09/13/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2314	20050231	Đỗ Thị Thùy Dương	08/09/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2315	20050232	Đỗ Thùy Dương	06/28/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2316	20050233	Lý Chiu Dương	04/08/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2317	20050235	Vũ Khắc Đại	07/30/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-	-
2318	20050236	Phạm Thị Linh Đan	08/13/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2319	20050237	Phạm Thảo Đan	01/29/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2320	20050238	Lê Anh Đức	12/23/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-	-
2321	20050239	Lê Quyền Giang	11/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2322	20050240	Nguyễn Hà Giang	06/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2323	20050242	Nguyễn Thu Giang	09/21/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-

2324	20050243	Phạm Linh Giang	10/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2325	20050245	Đinh Thị Thu Hà	08/26/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2326	20050246	Vũ Nguyệt Hà	08/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2327	20050248	Phạm Đoàn Minh Hải	01/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2328	20050249	Kiều Hồng Hạnh	04/22/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2329	20050250	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	09/27/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
2330	20050252	Phạm Xuân Hào	07/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2331	20050253	Hoàng Thị Hằng	03/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2332	20050254	Phùng Thuý Hằng	11/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2333	20050255	Nguyễn Thị Thu Hiền	03/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2334	20050258	Vũ Việt Hoàn	01/11/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2335	20050259	Nguyễn Đắc Hoàng	02/03/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2336	20050261	Trần Nam Hoàng	07/10/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2337	20050262	Lương Thị Hồng	11/12/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2338	20050263	Nguyễn Thị Thúy Hồng	03/23/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2339	20050264	Đoàn Thị Mai Huệ	07/02/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2340	20050265	Hoàng Mạnh Hùng	06/16/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2341	20050266	Lưu Mạnh Hùng	08/26/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2342	20050267	Trịnh Mạnh Hùng	09/22/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2343	20050268	Bùi Thế Huy	02/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2344	20050269	Khổng Thị Khánh Huyền	08/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2345	20050270	Lê Thanh Huyền	06/18/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2346	20050271	Nguyễn Thị Phương Huyền	11/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2347	20050272	Phạm Thanh Huyền	10/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2348	20050273	Trần Thu Huyền	12/26/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2349	20050274	Nguyễn Thành Hưng	09/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2350	20050275	Nguyễn Văn Hưng	03/29/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2351	20050276	Đinh Thị Thu Hương	12/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2352	20050277	Lê Thu Hương	11/30/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2353	20050278	Hồ Thị Hương	06/23/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2354	20050279	Đoàn Duy Khánh	07/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2355	20050280	Nguyễn An Khánh	03/16/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
2356	20050281	Bùi Tiến Khoa	10/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,210,000	19,210,000	-
2357	20050283	Phạm Thị Minh Khuê	11/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2358	20050284	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2359	20050285	Trần Thị Lan	07/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2360	20050286	Đào Đức Lâm	08/12/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2361	20050287	Công Hoàng Lân	12/03/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2362	20050288	Dương Thị Mai Linh	07/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2363	20050290	Đoàn Phương Linh	12/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2364	20050291	Lã Thùy Linh	11/29/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2365	20050293	Nguyễn Hải Linh	09/28/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2366	20050294	Nguyễn Khánh Linh	11/10/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2367	20050295	Nguyễn Thị Diệu Linh	11/03/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2368	20050296	Nguyễn Thị Thùy Linh	09/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2369	20050297	Nguyễn Thùy Linh	01/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2370	20050298	Trần Thảo Linh	05/26/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2371	20050299	Trương Thị Khánh Linh	12/09/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2372	20050300	Nguyễn Khánh Loan	09/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2373	20050301	Nguyễn Trung Lương	08/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2374	20050302	Nguyễn Nhật Mai	04/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2375	20050303	Phạm Thị Sao Mai	02/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
2376	20050304	Trịnh Ngọc Mai	05/28/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2377	20050305	Bùi Đức Mạnh	01/22/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2378	20050306	Vũ Đức Mạnh	06/21/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2379	20050307	Trần Thị Hải Mây	05/10/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2380	20050308	Phạm Thị Trà Mi	12/28/2001	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

2381	20050311	Trần Nhật Minh	02/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2382	20050312	Nguyễn Trà My	06/18/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2383	20050313	Trần Đăng Trà My	12/13/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2384	20050314	Nguyễn Quốc Nam	09/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2385	20050315	Phạm Hoàng Nam	04/02/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2386	20050316	Đỗ Thị Thuý Nga	04/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2387	20050317	Lê Thuý Nga	06/11/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2388	20050318	Nguyễn Phương Nga	09/06/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2389	20050319	Nguyễn Quỳnh Nga	12/06/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2390	20050320	Nguyễn Thị Phương Nga	05/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2391	20050321	Phạm Thị Nga	09/11/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2392	20050322	Hà Thị Thảo Ngân	09/25/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2393	20050323	Lương Tuấn Nghĩa	02/25/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2394	20050324	Trần Tuấn Nghĩa	06/10/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2395	20050325	Lê Thị Thuý Ngọc	11/10/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2396	20050326	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	07/27/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2397	20050327	Phạm Bích Ngọc	12/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2398	20050328	Trương Mạn Ngọc	02/23/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2399	20050330	Phạm Thảo Nguyên	12/22/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2400	20050331	Đình Long Nhật	04/06/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2401	20050332	Phan Hoàng Yến Nhi	12/29/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2402	20050333	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2403	20050334	Nguyễn Thị Thảo Như	01/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2404	20050335	Bùi Bích Phương	05/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2405	20050336	Nguyễn Lan Phương	08/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2406	20050337	Nguyễn Lan Phương	10/08/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2407	20050339	Nguyễn Thu Phương	06/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2408	20050340	Phan Thị Quỳnh Phương	11/25/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2409	20050341	Vũ Thanh Phương	11/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2410	20050342	Nguyễn Minh Quang	10/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2411	20050343	Nguyễn Minh Quân	01/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2412	20050344	Đào Anh Sơn	08/03/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2413	20050345	Trần Vũ Hải Sơn	09/27/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2414	20050346	Ngô Đức Tài	11/02/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2415	20050347	Nguyễn Hồng Thái	03/31/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
2416	20050348	Tạ Thị Thanh	11/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2417	20050349	Nguyễn Thanh Thảo	04/13/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2418	20050350	Nguyễn Thu Thảo	02/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2419	20050351	Phạm Phương Thảo	06/21/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2420	20050352	Vũ Phương Thảo	11/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2421	20050353	Nguyễn Thị Thắm	09/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2422	20050354	Trương Thị Hồng Thắm	08/02/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
2423	20050357	Nguyễn Mạnh Thịnh	02/18/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2424	20050358	Nguyễn Thị Hoài Thu	08/27/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2425	20050359	Nguyễn Thị Thu	02/10/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2426	20050360	Nguyễn Thị Xuân Thu	10/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2427	20050361	Vũ Thị Thùy	05/18/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2428	20050363	Trương Minh Thư	10/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2429	20050364	Trần Diệu Thương	11/08/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2430	20050365	Lương Khánh Toàn	02/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2431	20050366	Quần Thị Trà	04/07/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2432	20050367	Trần Phương Trà	03/22/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2433	20050368	Vân Thị Trà	09/10/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2434	20050369	Đặng Thị Thùy Trang	10/14/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2435	20050370	Kiều Huyền Trang	11/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2436	20050371	Lê Thị Quỳnh Trang	07/18/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2437	20050372	Nguyễn Linh Trang	11/30/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

2438	20050373	Nguyễn Thị Kiều Trang	07/13/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2439	20050374	Phạm Quỳnh Trang	02/02/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2440	20050375	Trần Thị Huyền Trang	10/05/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2441	20050377	Nguyễn Thị Thanh Trúc	10/01/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2442	20050378	Phạm Việt Trung	12/11/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2443	20050379	Trần Nam Trung	04/11/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2444	20050380	Bùi Đức Tuấn	04/28/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2445	20050381	Lê Nguyễn Ngọc Tuấn	10/02/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2446	20050382	Đặng Việt Tùng	10/30/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2447	20050383	Hoàng Thanh Tùng	06/21/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2448	20050384	Nguyễn Đức Tùng	10/11/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2449	20050385	Dương Thị Ánh Tuyết	02/26/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2450	20050386	Lê Thị Hà Xuân	05/28/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2451	20050387	Nguyễn Thị Xuân	11/12/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2452	20050388	Phạm Thanh Xuân	02/16/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2453	20050390	Nguyễn Hải Yến	12/19/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2454	20050391	Nguyễn Thị Hải Yến	08/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
<b>Khoa TCNH</b>			<i>443 sinh viên</i>					
2455	17050735	Đỗ Quỳnh Anh	07/04/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2456	17050737	Phạm Hoàng Minh Châu	10/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2457	17050738	Nguyễn Linh Diệp	10/01/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2458	17050739	Nguyễn Khánh Duy	01/24/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2459	17050740	Đỗ Tiến Đạt	04/19/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2460	17050741	Nguyễn Thị Hà Giang	01/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2461	17050742	Lê Thu Giang	07/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2462	17050743	Nguyễn Ngọc Hải	04/10/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2463	17050744	Nguyễn Thanh Hằng	10/07/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2464	17050746	Phạm Đức Huy	08/08/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2465	17050747	Bùi Huyền Hương	10/15/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2466	17050749	Nguyễn Khánh Linh	10/24/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2467	17050750	Đỗ Nguyễn Thảo Linh	09/12/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	19,640,000	19,640,000	-	
2468	17050751	Nguyễn Thùy Linh	10/29/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2469	17050752	Vương Thị Hương Ly	12/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2470	17050753	Trần Phương Nam	10/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2471	17050755	Trần Nguyễn Thảo Nguyên	10/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2472	17050756	Trịnh Thị Thanh Phúc	02/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	25,210,000	25,210,000	-	
2473	17050757	Nguyễn Hạnh Uyên Phương	01/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2474	17050758	Lê Vũ Minh Quang	11/10/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2475	17050761	Phạm Huy Thành	03/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2476	17050762	Nguyễn Anh Thư	09/15/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2477	17050764	Nguyễn Thị Bảo Trâm	06/16/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2478	17050765	Vũ Kiều Trinh	09/29/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2479	17050766	Phạm Anh Tuấn	07/19/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2480	18050852	Đinh Thị An	12/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2481	18050853	Trịnh Thục An	01/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2482	18050854	Đào Thị Quỳnh Anh	09/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2483	18050856	Lại Minh Anh	01/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2484	18050857	Lê Thị Châm Anh	06/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2485	18050858	Ngô Quỳnh Anh	07/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2486	18050859	Nguyễn Phương Anh	12/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2487	18050860	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	09/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2488	18050861	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	12/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2489	18050862	Phạm Ngọc Vân Anh	07/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2490	18050863	Trần Nam Anh	05/14/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2491	18050865	Ngô Thị Ánh	04/22/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-	
2492	18050866	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	05/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	
2493	18050867	Cao Gia Bách	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	

2494	18050868	Trần Việt Bảo	10/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2495	18050869	Phạm Bảo Châm	01/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2496	18050870	Vũ Minh Châu	09/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2497	18050871	Đào Thị Linh Chi	07/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2498	18050872	Hoàng Kim Chi	12/12/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2499	18050873	Lê Hoàng Linh Chi	05/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2500	18050874	Nguyễn Khánh Chi	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2501	18050875	Trần Phương Chi	09/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2502	18050876	Nguyễn Thị Chuyên	09/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2503	18050878	Đỗ Hải Đăng	04/28/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2504	18050879	Phạm Thành Đạt	05/01/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2505	18050881	Ngô Tiến Đức	12/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2506	18050883	Trịnh Đình Đức	03/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,750,000	19,750,000	-	-
2507	18050884	Nguyễn Mạnh Dũng	11/22/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2508	18050885	Hoàng Ngọc Dương	07/11/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2509	18050886	Nguyễn Tùng Dương	08/28/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2510	18050889	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2511	18050890	Nguyễn Hương Giang	09/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-	-
2512	18050893	Nguyễn Thị Hiền	06/29/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2513	18050894	Bùi Thị Thu Hiền	10/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2514	18050897	Nguyễn Quang Hiếu	03/05/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2515	18050899	Nguyễn Thị Khánh Hòa	08/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2516	18050901	Phạm Huy Hoàng	12/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2517	18050902	Hồ Thị Huệ	02/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2518	18050903	Lê Minh Hương	07/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2519	18050904	Nguyễn Thị Diệu Hương	11/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2520	18050905	Kiều Quang Huy	03/11/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2521	18050908	Nguyễn Thanh Huyền	08/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2522	18050909	Nguyễn Trung Kiên	04/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,750,000	19,750,000	-	-
2523	18050910	Đặng Tùng Lâm	01/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2524	18050911	Vũ Hoàng Lan	04/18/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	21,355,000	21,355,000	-	-
2525	18050913	Đinh Diệu Linh	03/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2526	18050914	Đinh Hoàng Linh	08/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2527	18050916	Dương Thị Yến Linh	11/01/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2528	18050917	Nguyễn Bảo Linh	12/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2529	18050918	Nguyễn Khánh Linh	06/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2530	18050919	Nguyễn Thị Thủy Linh	11/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2531	18050920	Nguyễn Thùy Linh	08/07/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2532	18050922	Phạm Ngọc Khánh Linh	12/05/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	20,065,000	20,065,000	-	-
2533	18050923	Vũ Thủy Linh	02/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2534	18050924	Nguyễn Đăng Thanh Long	09/14/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2535	18050925	Nguyễn Phan Đình Long	06/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2536	18050926	Nguyễn Quỳnh Mai	08/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2537	18050927	Nguyễn Thị Hoa Mai	01/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2538	18050929	Nguyễn Ngọc Minh	02/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2539	18050930	Trần Công Minh	01/21/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2540	18050931	Trần Lê Minh	12/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2541	18050932	Nguyễn Hà My	04/01/1999	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2542	18050933	Nguyễn Thị Du Mỹ	10/13/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2543	18050934	Tô Hoàng Nam	12/22/1998	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2544	18050937	Nguyễn Tố Nga	06/29/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2545	18050938	Lê Minh Ngọc	10/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2546	18050941	Trần Thị Ánh Ngọc	03/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2547	18050942	Nguyễn Thảo Nguyên	09/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2548	18050943	Mai Quỳnh Nhi	08/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2549	18050945	Tào Lê Yến Nhi	03/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2550	18050946	Trịnh Thị Phương Nhi	02/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-

2551	18050947	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	09/10/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2552	18050948	Vũ Trang Nhung	12/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2553	18050949	Lê Đức Phong	12/18/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2554	18050950	Trịnh Xuân Phong	09/25/1999	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	16,175,000	16,175,000	-
2555	18050952	Nguyễn Thế Quang	04/18/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2556	18050953	Ngô Thị Thùy Sinh	03/10/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2557	18050954	Nguyễn Thanh Tâm	11/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
2558	18050955	Đinh Thị Tăng	12/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2559	18050957	Nghiêm Chí Thành	12/13/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2560	18050958	Trịnh Đức Thành	03/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2561	18050960	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2562	18050961	Nguyễn Thị Thảo	11/06/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2563	18050962	Vũ Phương Thảo	09/29/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2564	18050963	Lê Ngọc Thùy	05/01/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2565	18050966	Cao Thị Thùy Trang	06/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2566	18050967	Đinh Hà Trang	05/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2567	18050968	Nguyễn Minh Trang	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2568	18050969	Nguyễn Thu Trang	05/13/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2569	18050970	Nguyễn Yên Trang	08/10/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2570	18050971	Tạ Thị Phương Trang	08/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2571	18050972	Trần Thị Thu Trang	11/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2572	18050973	Trần Thu Trang	07/02/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
2573	18050974	Trần Vũ Minh Triết	09/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	20,070,000	20,070,000	-
2574	18050975	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	02/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2575	18050976	Nguyễn Đức Trung	12/21/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2576	18050977	Nguyễn Mạnh Trường	10/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2577	18050978	Khổng Gia Tường	01/12/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2578	18050981	Hoàng Long Tùng Văn	09/21/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
2579	18050984	Phạm Kim Yên	12/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2580	18050985	Đào Thị Hải Yến	08/02/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2581	18050986	Nguyễn Thị Yến	06/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2582	19050598	Cao Phúc An	10/29/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2583	19050599	Nguyễn Thiện An	02/20/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2584	19050600	Đào Bảo Anh	08/03/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2585	19050601	Đông Thị Kim Anh	11/24/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2586	19050602	Hoàng Thị Lan Anh	05/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2587	19050603	Ngô Phương Thảo Anh	10/19/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2588	19050605	Nguyễn Đức Anh	12/16/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2589	19050606	Nguyễn Phương Anh	04/08/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2590	19050608	Nguyễn Thị Vân Anh	03/25/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2591	19050609	Nguyễn Tiên Anh	01/04/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2592	19050610	Nguyễn Tuấn Anh	06/10/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2593	19050611	Phạm Nguyệt Anh	10/29/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2594	19050612	Phạm Quốc Anh	05/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
2595	19050613	Phạm Thị Trà Anh	03/16/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2596	19050615	Vũ Đào Thảo Anh	08/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2597	19050616	Vũ Thị Phương Anh	02/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2598	19050617	Vũ Thị Phương Anh	02/20/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2599	19050618	Vũ Tuệ Anh	01/11/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2600	19050619	Đỗ Ngọc Ánh	12/08/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2601	19050620	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	08/19/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2602	19050621	Phạm Thanh Bình	08/09/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2603	19050622	Nguyễn Ngọc Minh Châu	10/10/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2604	19050623	Nguyễn Phạm Linh Chi	09/03/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
2605	19050624	Nguyễn Thị Linh Chi	12/25/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2606	19050626	Cao Thị Linh Đan	10/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2607	19050627	Nguyễn Hải Đăng	09/20/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-

2608	19050629	Vương Tiên Đạt	10/11/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2609	19050630	Đặng Thùy Dung	03/27/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2610	19050631	Đỗ Mạnh Dũng	03/20/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2611	19050633	Phạm Duy Tấn Dũng	09/07/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2612	19050634	Lê Minh Dương	08/03/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
2613	19050635	Nguyễn Thùy Dương	09/29/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2614	19050636	Phan Thùy Dương	09/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2615	19050638	Vũ Thái Duy	10/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2616	19050639	Nguyễn Phương Duyên	08/09/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2617	19050640	Đông Trường Giang	10/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2618	19050641	Nguyễn Hoàng Giang	12/03/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2619	19050643	Trần Minh Hải	07/15/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
2620	19050644	Kiều Thu Hằng	03/06/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2621	19050645	Nguyễn Thị Hằng	03/09/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2622	19050646	Nguyễn Thị Thu Hằng	03/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2623	19050647	Trần Minh Hằng	12/22/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2624	19050648	Hoàng Hồng Hạnh	09/07/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2625	19050649	Phùng Hồng Hạnh	04/19/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2626	19050650	Nguyễn Xuân Hào	02/23/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2627	19050651	Nguyễn Thị Thu Hiền	02/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2628	19050652	Nguyễn Thị Thúy Hiền	03/12/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2629	19050654	Lương Cao Trung Hiếu	06/17/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2630	19050656	Nguyễn Minh Hòa	10/22/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2631	19050658	Nguyễn Hữu Hoàng	08/31/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
2632	19050659	Phạm Thị Huệ	03/25/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2633	19050660	Nguyễn Lê Sinh Hùng	07/24/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2634	19050662	Nguyễn Quang Hưng	09/01/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2635	19050663	Trần Thành Hưng	05/26/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2636	19050665	Vũ Thu Hương	08/13/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2637	19050666	Nguyễn Quang Huy	11/19/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2638	19050667	Nguyễn Quang Huy	11/06/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	18,250,000	18,250,000	-
2639	19050668	Lê Khánh Huyền	07/30/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2640	19050669	Lê Thanh Huyền	05/22/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2641	19050670	Nguyễn Khánh Huyền	09/19/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2642	19050671	Nguyễn Thu Huyền	03/09/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2643	19050673	Đoàn Trung Kiên	11/11/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2644	19050675	Cao Thị Nhật Lệ	08/08/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2645	19050676	Trần Thị Hồng Liên	01/21/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2646	19050678	Đỗ Thị Hoài Linh	06/11/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2647	19050679	Lê Phương Linh	04/26/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2648	19050680	Ngô Hoàng Linh	06/26/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2649	19050681	Nguyễn Khánh Linh	04/22/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2650	19050682	Nguyễn Thị Phương Linh	02/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2651	19050683	Phạm Thị Yến Linh	05/11/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2652	19050684	Vũ Khánh Linh	11/10/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2653	19050685	Vũ Mai Linh	11/23/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2654	19050687	Hoàng Long	01/21/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2655	19050688	Lê Hiền Lương	10/02/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2656	19050689	Nông Thị Hương Ly	09/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2657	19050690	Lê Nguyễn Ngọc Mai	11/22/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2658	19050691	Nguyễn Huyền Mai	06/27/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2659	19050692	Phạm Thị Diễm Mi	06/22/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2660	19050693	Nguyễn Ngọc Minh	04/08/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2661	19050694	Nguyễn Nhật Minh	01/15/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	18,625,000	-
2662	19050695	Nguyễn Thị Thanh Minh	10/08/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2663	19050696	Phạm Thị Hải Minh	04/15/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2664	19050697	Trần Công Minh	06/26/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-



2665	19050698	Đào Diễm My	11/18/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2666	19050699	Nguyễn Thị Trà My	06/12/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2667	19050701	Chu Thanh Nga	02/08/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2668	19050702	Đỗ Phương Nga	08/15/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2669	19050703	Thái Thị Quỳnh Nga	10/26/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2670	19050706	Hoàng Yến Ngọc	11/03/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2671	19050707	Nguyễn Minh Ngọc	03/25/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2672	19050708	Nguyễn Minh Ngọc	01/07/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2673	19050709	Phạm Thị Bích Ngọc	03/07/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2674	19050710	Lê Thị Vân Nhi	10/20/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2675	19050711	Đỗ Thị Trang Nhung	08/17/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2676	19050712	Nguyễn Quốc Phú	12/01/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2677	19050713	Lê Kinh Phúc	11/24/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2678	19050714	Nguyễn Hà Phương	02/10/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2679	19050715	Nguyễn Hiền Phương	05/21/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2680	19050716	Nguyễn Hiếu Phương	10/23/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2681	19050717	Nguyễn Mai Phương	01/02/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2682	19050718	Nguyễn Thị Hà Phương	02/13/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2683	19050720	Nguyễn Phúc Minh Quang	09/26/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2684	19050721	Nguyễn Thu Quyên	04/17/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2685	19050723	Nguyễn Như Quỳnh	04/19/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2686	19050725	Phan Thị Diễm Quỳnh	10/25/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,375,000	19,375,000	-
2687	19050726	Trịnh Như Quỳnh	08/06/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2688	19050727	Hoàng An Sơn	05/21/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2689	19050728	Phạm Trường Sơn	07/30/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2690	19050729	Trần Mạnh Tân	01/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2691	19050731	Đông Văn Thành	02/06/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2692	19050732	Đặng Phương Thảo	12/02/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2693	19050733	Nguyễn Thị Phương Thảo	03/20/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2694	19050734	Trần Phương Thảo	01/04/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2695	19050735	Trịnh Thị Phương Thảo	05/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2696	19050736	Trương Phương Thảo	10/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2697	19050737	Nguyễn Thị Anh Thu	12/07/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2698	19050738	Nguyễn Anh Thu	08/20/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2699	19050740	Trần Minh Thư	08/16/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2700	19050741	Hán Quỳnh Thu Thương	11/11/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2701	19050743	Phạm Thị Thùy	10/01/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2702	19050744	Phạm Thị Thanh Thùy	02/05/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	14,070,000	14,070,000	-
2703	19050745	Phí Thanh Thùy	10/23/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2704	19050746	Cao Thị Thùy Tiên	03/12/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2705	19050749	Hà Bảo Trâm	03/02/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2706	19050752	Lâm Kiều Trang	07/17/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2707	19050753	Nguyễn Hạnh Trang	04/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2708	19050755	Nguyễn Thị Mai Trang	10/23/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2709	19050756	Phạm Quỳnh Trang	04/26/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2710	19050757	Vũ Thủy Trang	10/24/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2711	19050758	Nguyễn Thị Trinh	05/02/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2712	19050759	Hoàng Đức Trung	08/23/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2713	19050760	Nguyễn Đức Trung	09/04/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2714	19050762	Nguy Huy Tú	05/17/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2715	19050763	Đình Khắc Tuấn	11/02/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2716	19050764	Trương Anh Tuấn	01/10/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2717	19050765	Nguyễn Hoàng Tùng	01/10/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2718	19050766	Nguyễn Hữu Tùng	09/06/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2719	19050769	Nguyễn Minh Tuyết	06/07/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2720	19050770	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	10/13/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2721	19050771	Phùng Ngọc Uyên	10/14/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

2722	19050773	Đào Thị Thanh Vân	05/05/1990	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2723	19050774	Hoàng Thị Thảo Vân	08/16/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2724	19050775	Lê Thị Thảo Vân	04/26/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2725	19050776	Nguyễn Thảo Vân	06/06/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2726	19050777	Nguyễn Thị Ngọc Vân	07/30/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2727	19050778	Trần Phan Thanh Vân	08/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2728	19050780	Bùi Đức Việt	10/27/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2729	19050782	Hoàng Thị Hải Yến	12/02/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2730	19050783	Nguyễn Thị Yến	05/10/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2731	19050785	Lương Thị Thu Dương	09/07/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2732	19050796	Đỗ Thị Hoàng Anh	09/28/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2733	20050028	Đồng Phương Linh	06/15/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2734	20050035	Đặng Thị Thanh Thảo	01/11/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2735	20050039	Đình Hoàng Minh Anh	06/12/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2736	20050045	Nguyễn Quang Anh	02/25/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
2737	20050059	Nguyễn Hoàng Đăng	10/30/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
2738	20050070	Trần Ngọc Dung	11/30/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2739	20050080	Ngô Vũ Hương Giang	12/07/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2740	20050082	Lê Thị Thu Hà	01/31/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2741	20050085	Phạm Hoàng Hải	09/18/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
2742	20050089	Phạm Xuân Thành Hiếu	09/25/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
2743	20050100	Nguyễn Thị Út Hương	08/08/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2744	20050114	Nguyễn Thanh Lâm	05/20/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2745	20050116	Đặng Trần Gia Linh	04/21/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2746	20050131	Bùi Nhật Mai	03/14/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2747	20050133	Nguyễn Trần Nhật Mai	01/05/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2748	20050134	Quách Hoàng Mai	10/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2749	20050182	Trần Xuân Việt	01/01/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2750	20050392	Nguyễn Duy An	09/17/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2751	20050393	Nguyễn Tuấn An	02/06/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2752	20050394	Phạm Thu An	10/08/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2753	20050395	Lê Minh Anh	02/13/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2754	20050396	Nguyễn Lê Trúc Anh	03/18/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2755	20050397	Nguyễn Ngọc Minh Anh	04/22/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2756	20050399	Ninh Phương Anh	09/28/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2757	20050400	Phạm Đăng Anh	05/01/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2758	20050401	Phạm Thị Vân Anh	08/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2759	20050402	Trần Linh Anh	08/17/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2760	20050403	Vũ Quỳnh Anh	08/15/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2761	20050404	Nguyễn Ngọc Ánh	04/25/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2762	20050405	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/06/2001	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2763	20050406	Phạm Mai Ánh	12/08/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2764	20050407	Kiều Quốc Bảo	06/14/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2765	20050408	Nguyễn Quang Bắc	01/05/2001	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2766	20050409	Nguyễn Thị Bình	04/30/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2767	20050410	Cao Minh Châu	08/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2768	20050411	Vũ Minh Châu	08/19/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2769	20050412	Bùi Ngọc Quỳnh Chi	06/26/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2770	20050413	Nguyễn Thị Cúc	10/21/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2771	20050414	Nguyễn Đình Nhật Cường	01/20/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2772	20050415	Trần Thị Ngọc Diễm	11/23/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2773	20050416	Đoàn Anh Dũng	03/30/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2774	20050418	Vũ Đức Dũng	06/04/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2775	20050419	Chu Ngọc Duy	06/11/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2776	20050420	Hoàng Trọng Cảnh Duy	06/23/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2777	20050421	Trần Ánh Dương	12/08/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2778	20050422	Bùi Việt Đạt	08/07/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

2779	20050423	Nguyễn Tuấn Đạt	03/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2780	20050424	Nguyễn Anh Đức	08/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	18,425,000	-
2781	20050425	Đương Hoàng Gia	08/09/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2782	20050426	Phạm Thị Hương Giang	07/04/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2783	20050427	Chu Phương Hà	11/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2784	20050428	Lê Thị Thu Hà	08/19/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2785	20050429	Lê Thu Hà	05/26/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2786	20050431	Tô Thị Nguyệt Hà	09/14/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2787	20050432	Lương Ngọc Hải	10/27/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2788	20050433	Nguyễn Trung Hải	06/05/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2789	20050434	Bùi Thị Hằng	08/09/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2790	20050435	Lê La Hằng	03/29/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2791	20050436	Trịnh Thanh Hằng	10/12/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2792	20050437	Đào Thị Bích Hiền	10/30/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2793	20050438	Nguyễn Thị Thu Hiền	09/02/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	12,600,000	12,600,000	-
2794	20050439	Trần Phương Hiền	10/15/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2795	20050440	Nguyễn Đức Hiếu	03/01/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2796	20050441	Nguyễn Thị Hòa	11/20/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2797	20050442	Nguyễn Thu Hòa	10/09/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2798	20050443	Nguyễn Thị Hoài	06/21/2001	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2799	20050444	Hoàng Thị Ánh Hồng	06/05/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2800	20050445	Nguyễn Thị Huệ	07/27/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2801	20050446	Nguyễn Đức Hùng	10/27/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2802	20050447	Nguyễn Lương Hùng	08/25/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2803	20050448	Đào Đức Huy	06/28/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2804	20050449	Hoàng Quang Huy	12/11/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2805	20050450	Đào Khánh Huyền	12/07/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2806	20050452	Nguyễn Thị Thu Huyền	09/12/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2807	20050453	Lê Công Hưng	06/15/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2808	20050454	Đương Thị Hương	07/02/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2809	20050455	Giang Thu Hương	07/13/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2810	20050456	Nguyễn Linh Hương	05/12/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2811	20050457	Trần Diệu Hương	02/06/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2812	20050458	Trần Thu Hương	11/12/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2813	20050459	Đoàn Thị Ngọc Khánh	11/25/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2814	20050461	Nguyễn Hoàng Mai Lan	09/03/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2815	20050463	Nguyễn Đức Lâm	06/26/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2816	20050465	Đỗ Nguyệt Linh	11/21/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2817	20050466	Lưu Khánh Linh	10/12/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2818	20050467	Nguyễn Hoàng Linh	07/02/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2819	20050468	Nguyễn Khánh Linh	12/12/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2820	20050470	Nguyễn Tuấn Linh	11/03/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2821	20050471	Phan Diệu Linh	04/17/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2822	20050473	Trần Khánh Linh	04/22/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2823	20050474	Trần Thảo Linh	06/27/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,210,000	19,210,000	-
2824	20050475	Vũ Khánh Linh	06/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2825	20050476	Lê Thị Khánh Ly	01/09/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2826	20050477	Bành Ngọc Mai	08/31/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2827	20050478	Nguyễn Hoàng Mai	11/13/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2828	20050479	Nguyễn Thị Ngọc Mai	09/01/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2829	20050480	Phạm Thị Mai	09/16/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2830	20050481	Thần Thu Mai	06/27/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2831	20050482	Vũ Đức Mạnh	09/08/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2832	20050485	Ma Thị Nhật Minh	07/14/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2833	20050487	Nguyễn Thảo Minh	07/30/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2834	20050488	Nguyễn Trường Nhật Minh	07/11/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2835	20050489	Phan Nhật Minh	09/19/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

2836	20050490	Nguyễn Huyền My	04/24/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	17,850,000	-
2837	20050491	Nguyễn Thị Lê Na	07/26/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2838	20050493	Nguyễn Hoàng Nam	01/14/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2839	20050495	Lê Phương Nga	09/11/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2840	20050496	Nguyễn Phương Nga	02/23/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2841	20050497	Phạm Thị Thanh Ngân	09/03/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2842	20050498	Đỗ Hữu Nghĩa	12/08/1999	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2843	20050499	Mai Thúy Ngọc	01/03/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2844	20050500	Nguyễn Minh Ngọc	07/08/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2845	20050501	Trần Minh Ngọc	10/25/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2846	20050503	Đào Dung Nhi	04/08/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2847	20050504	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/19/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2848	20050505	Vũ Hồng Nhung	03/31/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2849	20050506	Bùi Hà Phương	08/23/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2850	20050507	Đặng Minh Phương	02/03/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2851	20050508	Trần Ngọc Thảo Phương	04/11/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2852	20050509	Trần Thu Phương	03/04/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	16,350,000	-
2853	20050510	Nguyễn Minh Quân	11/09/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2854	20050511	Đỗ Quyên	05/14/2000	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2855	20050512	Đinh Như Quyên	11/21/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2856	20050513	Đoàn Thị Thúy Quỳnh	08/21/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2857	20050515	Nguyễn Ngọc Quỳnh	04/08/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2858	20050516	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	04/22/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2859	20050517	Nguyễn Thu Quỳnh	09/12/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2860	20050518	Phan Thị Thùy Quỳnh	11/09/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2861	20050519	Trần Ngọc Sơn	12/23/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2862	20050520	Trần Thu Sương	01/11/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2863	20050522	Lê Tạ Hồng Thanh	12/02/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2864	20050523	Lã Phương Thảo	04/06/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2865	20050524	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/23/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2866	20050525	Trần Hữu Thọ	08/20/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2867	20050526	Đoàn Thu Thủy	11/14/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2868	20050527	Nguyễn Đình Tiến	10/22/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2869	20050528	Hoàng Trung Tín	08/05/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2870	20050530	Vũ Phương Trà	08/07/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2871	20050531	Đặng Thu Trang	09/28/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2872	20050532	Lê Thùy Trang	06/03/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2873	20050533	Nguyễn Hiền Trang	10/26/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2874	20050534	Nguyễn Huyền Trang	04/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2875	20050535	Nguyễn Quỳnh Trang	03/02/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2876	20050536	Nguyễn Thị Trang	05/19/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2877	20050537	Nguyễn Thị Trang	10/15/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2878	20050538	Nguyễn Thu Trang	08/06/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2879	20050540	Trần Thị Huyền Trâm	10/14/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2880	20050541	Đào Ngọc Tri	02/02/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2881	20050542	Ngô Huy Việt Trung	12/25/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2882	20050543	Nguyễn Tiên Tú	02/19/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2883	20050544	Nguyễn Hoàng Tuấn	11/29/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2884	20050545	Lê Thị Phương Uyên	07/05/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2885	20050546	Nguyễn Anh Văn	02/09/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	19,000,000	-
2886	20050547	Đinh Thị Hồng Văn	12/02/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2887	20050548	Vũ Quỳnh Văn	05/31/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2888	20050549	Lê Hạ Vi	08/30/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2889	20050551	Phạm Thảo Vi	10/04/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2890	20050553	Ngô Lê Minh Vũ	03/09/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-
2891	20050554	Trần Đăng Vũ	02/16/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	20,710,000	20,710,000	-
2892	20050555	Phạm Đức Vương	09/29/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-

2893	20050556	Đậu Tháo Vy	11/30/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2894	20050557	Vũ Thị Kiều Vy	11/14/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2895	20050558	Lường Thị Yên	02/10/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2896	20050559	Lưu Thị Yên	09/22/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-
2897	20050560	Nguyễn Hà Hải Yên	02/25/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	17,500,000	-	-

*Danh sách gồm 2897 sinh viên*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ  
PHÒNG KHTC

PL 02 - DANH SÁCH SINH VIÊN CÒN NỢ HỌC PHÍ THEO KỲ HỌC KỲ II NĂM HỌC  
2020-2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CLC ĐÁP ỨNG TT 23/2014/TT-BGDĐT

(Kèm theo thông báo số 1461 /ĐHKT-KHTC ngày 12 / 05 /2021)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Tổng học phí	Học phí đã nộp	Số nợ
<b>Khoa Kế Toán</b>				<i>33 Sinh viên</i>			
1	18050995	Lê Thị Minh Anh	05/29/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
2	18051002	Phạm Mai Anh	08/31/1999	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
3	18051032	Bùi Thị Thu Hà	08/22/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
4	18051072	Lưu Hà Ly	01/13/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
5	18051103	Trịnh Việt Thành	12/04/1998	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
6	18051109	Nguyễn Thị Minh Thu	12/13/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
7	18051114	Hà Thủy Tiên	11/16/2000	QH-2018-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
8	19050828	Trần Phương Anh	07/30/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	-	19,000,000
9	19050842	Nguyễn Anh Đức	08/17/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
10	19050848	Từ Hữu Duy	03/27/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
11	19050862	Phạm Thị Hạnh	10/09/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
12	19050875	Dương Thu Hương	06/23/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
13	19050889	Trần Thị Lành	01/09/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
14	19050891	Đào Ngọc Khánh Linh	10/10/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
15	19050902	Phùng Thị Ngọc Linh	09/26/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
16	19050916	Nguyễn Thị Lê Na	11/01/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
17	19050917	Nguyễn Thúy Ngân	09/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
18	19050927	Phạm Minh Nguyệt	04/09/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
19	19050939	Phùng Thanh Phong	02/25/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
20	19050943	Hoàng Thị Phương	09/03/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
21	19050944	Nguyễn Thị Thu Phương	10/13/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
22	19050946	Lê Thị Phụng	03/01/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
23	19050983	Trần Anh Tuấn	11/15/2001	QH-2019-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
24	20050178	Đào Thu Uyên	10/13/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	16,350,000
25	20050607	Nguyễn Thị Việt Hà	02/12/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
26	20050619	Nguyễn Minh Hòa	07/13/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
27	20050634	Phạm Hải Hương	11/02/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	16,350,000
28	20050668	Triệu Thị Bích Ngọc	05/24/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
29	20050683	Vũ Hà Phương	12/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
30	20050686	Nguyễn Thị Phụng	08/26/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	-	19,000,000
31	20050693	Vũ Như Quỳnh	11/23/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
32	20050699	Bùi Thanh Thảo	08/16/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	16,350,000
33	20050719	Lộ Huyền Trang	01/14/2002	QH-2020-E KE TOAN-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	-	19,000,000
<b>Khoa Kinh tế</b>				<i>21 sinh viên</i>			
1	19050028	Hoàng Quốc Bảo	01/27/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
2	19050032	Phạm Ngọc Linh Chi	10/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
3	19050043	Nguyễn Hồng Đức	11/13/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
4	19050061	Trịnh Hương Giang	09/20/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
5	19050068	Nguyễn Thanh Hải	11/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
6	19050108	Nguyễn Ngọc Mai Hương	03/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
7	19050118	Nguyễn Thanh Huyền	08/24/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
8	19050153	Trương Thùy Linh	09/17/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
9	19050159	Đặng Thị Diệu Ly	10/12/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
10	19050181	Vũ Hoàng Nam	09/27/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	-	18,625,000
11	19050188	Nguyễn Minh Ngọc	04/26/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
12	19050211	Tạ Thu Phương	04/09/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
13	19050213	Trần Thị Thu Phương	09/11/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
14	19050220	Vương Lê Quang	08/04/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
15	19050267	Đỗ Khánh Toàn	12/09/1999	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	-	19,000,000
16	19050277	Vy Thị Huyền Trang	03/05/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
17	19050290	Phùng Thu Vân	05/16/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
18	19050300	Ngô Gia Hiền	04/15/2001	QH-2019-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
19	20050058	Trần Lê Chi	07/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	16,350,000
20	20050072	Lê Nam Dũng	06/20/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
21	20051020	Đào Đăng Duy	04/19/2002	QH-2020-E KINH TE-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
<b>Khoa KTPT</b>				<i>17 sinh viên</i>			
1	20051205	Bùi Thị Quỳnh Anh	08/30/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
2	20051227	Cao Nguyễn Thùy Chi	03/22/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	20,125,000	-	20,125,000

3	20051231	Trần Tú Quỳnh Chi	09/04/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	23,545,000	-	23,545,000
4	20051233	Đỗ Ngọc Diệp	12/19/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	-	19,000,000
5	20051240	Ngô Đắc Thái Duy	05/10/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
6	20051245	Mai Tiến Đạt	10/20/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
7	20051279	Nguyễn Ngọc Huyền	12/19/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
8	20051295	Nguyễn Thị Khánh Linh	09/12/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
9	20051302	Nguyễn Hữu Lương	08/21/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
10	20051329	Phạm Thị Hồng Nhung	09/03/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	16,925,000
11	20051332	Vũ Văn Phú	11/22/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
12	20051333	Nguyễn Hà Phương	11/08/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	19,000,000	-	19,000,000
13	20051338	Giáp Minh Quang	11/08/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
14	20051341	Nguyễn Vũ Quang	01/18/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
15	20051381	Nguyễn Bảo Trung	07/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
16	20051383	Vũ Minh Tuấn	04/01/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
17	20051388	Nguyễn Thu Vân	10/11/2002	QH-2020-E KTPT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
<b>Khoa KTQT</b>				<i>66 sinh viên</i>			
1	17050550	Bùi Thị Ngọc Anh	12/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	21,780,000	-	21,780,000
2	17050556	Nguyễn Tuấn Anh	04/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
3	17050580	Nguyễn Thị Việt Hà	08/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
4	17050601	Vũ Thị Thu Huyền	04/03/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
5	17050606	Nguyễn Ngọc Khánh	06/29/1998	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	32,325,000	-	32,325,000
6	17050608	Nguyễn Thị Hoàng Lan	10/23/1998	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
7	17050620	Nguyễn Tuấn Minh	07/21/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	-	18,625,000
8	17050630	Nguyễn Thị Minh Ngọc	07/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
9	17050641	Khuất Thị Thúy Quỳnh	10/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
10	17050643	Đặng Xuân Thanh	12/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
11	17050646	Trần Thị Thanh Thúy	11/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
12	18050378	Đỗ Hoàng Anh	08/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
13	18050425	Nguyễn Văn Dư	11/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
14	18050462	Ngô Minh Hoàng	12/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
15	18050471	Nguyễn Mai Hương	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	25,415,000	-	25,415,000
16	18050490	Trần Trung Kiên	05/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
17	18050540	Nguyễn Đăng Nhật	02/22/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
18	18050548	Lê Đặng Việt Phú	05/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
19	18050571	Đỗ Thị Hoài Thanh	11/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
20	18050615	Nguyễn Công Trung	09/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	-	18,625,000
21	18050625	Nguyễn Thị Vân	04/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
22	18050630	Dương Thị Hồng Vinh	03/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
23	18050631	Văn Ngọc Vinh	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	18,625,000	-	18,625,000
24	18051133	Phạm Hoàng Long	03/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
25	19051012	Lại Quang Anh	12/28/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
26	19051020	Nguyễn Thùy Anh	01/05/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
27	19051039	Mai Thị Linh Chi	01/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
28	19051040	Nguyễn Thị Phương Chi	03/13/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
29	19051065	Nguyễn Dương Việt Hà	08/15/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
30	19051067	Nguyễn Thị Ngân Hà	11/16/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
31	19051072	Phí Tiến Bắc Hải	03/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
32	19051115	Nguyễn Lê Hồng Lam	11/11/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
33	19051150	Nguyễn Thị Ngọc Mai	03/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
34	19051156	Dương Vũ Quang Minh	12/27/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
35	19051181	Lê Phạm Quỳnh Như	07/15/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
36	19051182	Bùi Hồng Nhung	02/10/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
37	19051190	Lê Lan Phương	06/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
38	19051194	Trịnh Như Phương	06/26/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
39	19051198	Lê Thị Quỳnh	04/12/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
40	19051201	Đào Thị Minh Tâm	05/06/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
41	19051212	Nguyễn Phương Thảo	12/20/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
42	19051236	Ngô Thị Hà Trang	07/06/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
43	19051261	Nguyễn Minh Vương	10/14/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
44	19051263	Hoàng Thị Hải Xuân	03/08/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
45	19051281	Đinh Hiền Mai	05/23/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
46	19051315	Đặng Thái Hường	08/21/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
47	19051316	Phan Thanh Huyền	12/01/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
48	19051401	Đinh Hồng Anh	06/19/2001	QH-2019-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
49	19051700	Kim Jae Hoon	02/06/1995	QH-2019-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
50	20050001	Nguyễn Thị Thúy An	05/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
51	20050043	Lê Phương Anh	01/18/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	16,350,000
52	20050084	Tạ Thu Hà	10/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	16,350,000
53	20050101	Nguyễn Thu Hương	08/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	16,350,000
54	20050104	Chu Anh Huy	09/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	16,350,000
55	20050181	Nguyễn Văn Việt	11/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	16,350,000
56	20050787	Hoàng Thùy Dung	11/08/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	19,000,000	-	19,000,000

57	20050814	Nguyễn Đức Hải	08/15/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	16,350,000
58	20050819	Đỗ Thị Minh Hằng	02/05/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
59	20050820	Phạm Thanh Hằng	04/02/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
60	20050827	Dương Trung Hiếu	04/19/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
61	20050828	Nguyễn Minh Hiếu	10/13/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
62	20050865	Nguyễn Khánh Linh	10/09/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 7 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
63	20050900	Nguyễn Yến Ngọc	11/12/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
64	20050901	Trần Châu Ánh Ngọc	10/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
65	20050924	Nguyễn Thuý Quyên	04/30/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
66	20050943	Nguyễn Thị Phương Thúy	02/11/2002	QH-2020-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
<b>Viện QTKD</b>				<i>44 sinh viên</i>			
1	16051011	Nguyễn Đức Anh	05/28/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,295,000	-	17,295,000
2	17050663	Lê Thị Ngọc Ánh	12/15/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
3	17050679	Nguyễn Đức Hùng	02/02/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	22,960,000	-	22,960,000
4	17050680	Lê Huy	07/29/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
5	17050700	Phạm Công Minh	12/07/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
6	17050721	Bùi Mai Thương	12/17/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
7	17050730	Đinh Anh Tuấn	05/08/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
8	17050732	Nguyễn Quang Tuyền	10/29/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
9	18050654	Hoàng Thị Ngọc Anh	06/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
10	18050656	Mai Hoàng Phương Anh	08/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	15,050,000	-	15,050,000
11	18050662	Nguyễn Phương Anh	06/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
12	18050671	Trần Thị Phương Anh	01/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
13	18050707	Phạm Thị Thu Hà	02/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
14	18050718	Trần Thu Hiền	06/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
15	18050768	Đoàn Anh Minh	01/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
16	18050776	Bùi Thị Bích Ngọc	03/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
17	18050799	Nguyễn Văn Phương	07/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
18	18050826	Cao Thùy Tiên	09/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
19	18050840	Thiều Thiện Tường	08/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
20	19051410	Đào Ngọc Anh	11/09/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
21	19051426	Vương Thu Bích	10/17/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
22	19051453	Vũ Hồng Dương	07/06/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
23	19051457	Phạm Nguyễn Ngân Hà	02/15/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
24	19051464	Nguyễn Thị Hiền	12/02/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
25	19051489	Nguyễn Thị Khánh Huyền	12/19/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
26	19051498	Đỗ Thị Lan	10/04/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
27	19051523	Lê Tuấn Minh	03/05/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
28	19051526	Chu Hoàng My	02/06/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
29	19051529	Phạm Thị Huyền My	06/09/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
30	19051562	Phạm Thị Hoài Phương	04/29/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
31	19051585	Phạm Linh Thảo	11/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	22,480,000	-	22,480,000
32	19051610	Nguyễn Thị Thùy Trang	01/03/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
33	19051616	Lưu Đức Trường	03/21/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
34	19051625	Trịnh Quang Vinh	12/20/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
35	19051626	Nguyễn Long Vũ	03/06/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
36	19051644	Nguyễn Ngọc Diệp	05/29/2001	QH-2019-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
37	20050093	Trần Việt Hoàng	12/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	16,350,000
38	20050209	Phạm Thị Phương Anh	09/12/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
39	20050211	Trần Minh Anh	02/04/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	-	19,000,000
40	20050216	Vũ Ngọc Ánh	02/15/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	19,000,000	-	19,000,000
41	20050247	Ngô Phú Hải	02/20/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
42	20050289	Đông Diệu Linh	06/29/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
43	20050356	Trần Văn Thắng	11/23/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
44	20050389	Hoàng Hải Yến	07/18/2002	QH-2020-E QTKD-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
<b>Khoa TCNH</b>				<i>29 sinh viên</i>			
1	17050763	Trương Thị Trang	10/29/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
2	18050864	Trịnh Hữu Việt Anh	11/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
3	18050882	Trần Công Đức	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	18,625,000	-	18,625,000
4	18050896	Đỗ Thế Hiệp	10/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
5	18050935	Trần Phương Nam	08/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	22,480,000	-	22,480,000
6	18050936	Đinh Văn Nga	09/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
7	19050604	Ngô Văn Anh	01/03/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
8	19050607	Nguyễn Thị Hải Anh	11/19/2000	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
9	19050628	Nguyễn Quý Danh	02/19/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
10	19050637	Nguyễn Minh Duy	08/02/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	18,625,000	-	18,625,000
11	19050653	Dương Minh Hiếu	06/17/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
12	19050655	Nguyễn Đình Hiếu	12/15/2000	QH-2019-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	18,625,000	-	18,625,000
13	19050672	Bùi Văn Kiên	06/08/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
14	19050677	Đỗ Hà Phương Linh	08/25/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
15	19050704	Dương Vũ Thanh Ngân	02/05/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
16	19050705	Nguyễn Thị Thanh Ngân	07/11/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000



17	19050722	Lưu Thuý Quỳnh	08/30/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
18	19050724	Nguyễn Thị Quỳnh	10/13/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
19	19050730	Bùi Thanh Thái	11/13/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
20	19050747	Phạm Thủy Tiên	07/17/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
21	19050748	Hoàng Công Toàn	06/06/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
22	19050754	Nguyễn Quỳnh Trang	03/05/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
23	19050781	Nguyễn Đình Tuấn Vũ	01/22/2001	QH-2019-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
24	20050460	Nguyễn Ngọc Khánh	03/24/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
25	20050469	Nguyễn Phương Linh	10/08/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
26	20050472	Tăng Diệu Linh	07/02/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
27	20050494	Bùi Thị Hằng Nga	11/01/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
28	20050539	Trần Thị Thu Trang	04/02/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
29	20050552	Trần Long Hà Vi	07/01/2002	QH-2020-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

Danh sách gồm 210 sinh viên